

KẾT QUẢ SXKD CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

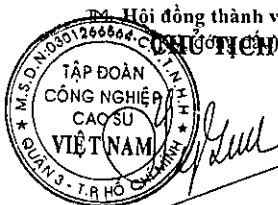
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

[Năm {Kỳ} Báo cáo]: 2014

STT	Tên doanh nghiệp thành viên	Lãi phát sinh trong năm (triệu đồng)		Lỗ (triệu đồng)		Ghi chú
		Đơn vị báo cáo	Kiểm tra lại	Lỗ Phát sinh	Lỗ lũy kế	
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai	611.231	611.231			
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa	62.018	62.018			
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	367.043	367.043			
4	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	307.000	307.317			
5	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	80.325	78.940			
6	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	181.217	181.217			
7	Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên	123.321	123.321			
8	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	462	133			
9	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	4.439	4.439			
10	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	1.038	1.038			
11	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	7.807	7.744			
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	13.091	12.987			
13	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang			(39.534)	(39.534)	
14	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	20.872	20.872			
15	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	48.493	48.493			
16	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	24.599	24.599			
17	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	111	111			
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	249	249			
19	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi			(2.112)	(2.112)	
20	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh			(29.028)	(55.664)	
21	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	2.952	2.952			
22	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	110	110			
23	Công ty mẹ - Tập đoàn	797.854	774.996			

Đánh giá của tập đoàn kinh tế, tổng công ty về kết quả kinh doanh của từng doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh lỗ đề nghị nêu rõ nguyên nhân lỗ và các giải pháp xử lý.

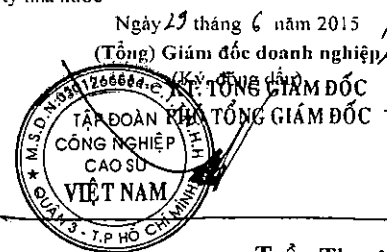
Ghi chú: Biểu này áp dụng cho DN là Tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty được chuyển đổi từ tổng công ty nhà nước



Võ Sỹ Lực

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Thành Đức



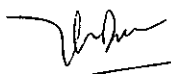
Trần Thoại

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
Năm 2014

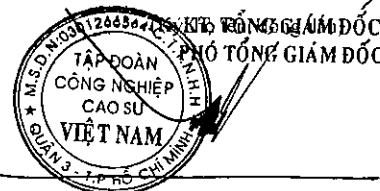
TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nợ ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
C	Công ty TNHH MTV độc lập						
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đông Nai	1.920.083	611.231	204.142	x		
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa	401.396	62.018	25.045	x		
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	1.839.052	367.043	169.632	x		
4	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	1.233.896	307.317	99.208	x		
5	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	1.110.390	78.940	55.751	x		
6	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	1.482.937	181.217	79.032	x		
7	Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên	589.211	123.321	65.365	x		
8	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	2.750	133	146	x		
9	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	244.717	4.439	8.316	x		
10	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	208.348	1.038	9.710	x		
11	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	366.202	7.744	3.237	x		
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	350.667	12.987	6.111	x		
13	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	217.736	(39.534)	6.603		x	
14	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	295.997	20.872	9.411	x		
15	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	533.779	48.493	17.014	x		
16	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	482.524	24.599	16.827	x		
17	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	106.905	111	4.062	x		
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	82.548	249	866	x		
19	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	6.210	(2.112)	15		x	
20	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	169.139	(29.028)	2.363		x	
21	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	31.078	2.952	3.512	x		
22	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	5.459	110	339	x		
23	Công ty mẹ - Tập đoàn	1.206.292	774.996	326.025	x		

Kiến nghị của Chủ sở hữu:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Nguyễn Thành Đức

Ngày 29 tháng 6 năm 2015
Đại diện chủ sở hữu



Trần Thoại

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 1449/CSVN-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2015

V/V Báo cáo bổ sung giám sát và xếp loại doanh nghiệp năm 2014 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Kính gửi : Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Thực hiện Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Ngày 15/3/2015, Tập đoàn có lập Báo cáo giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam báo cáo bổ sung việc thực hiện giám sát và xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trong năm 2014, như sau:

Căn cứ Quyết định số 981/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi tắt là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam);

Căn cứ Nghị định số 28/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014; Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-HĐTVCSVN ngày 04/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2014 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5739/QĐ-BNN-QLDN ngày 30/12/2014 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc Điều chỉnh chỉ tiêu đánh giá hiệu quả doanh nghiệp năm 2014 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN;

Căn cứ Báo cáo giám sát và xếp loại doanh nghiệp phát hành ngày 15/3/2015 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN trên cơ sở Báo cáo Tài chính năm 2014 (chưa được kiểm toán);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Mẹ Tập đoàn đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện và các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam Giải trình bổ sung Báo cáo giám sát và xếp loại doanh nghiệp năm 2014 của Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, như sau:

I. VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP:

1. Tình hình đầu tư tài sản (Theo Biểu 01, Mẫu số 01 đính kèm):

1.1. Dự án nhóm A:

- Dự án khu chung cư cao tầng 381 Bến Chương dương:

Đây là dự án chung cư được xây dựng trên khuôn viên của Công ty cơ khí cao su (thuộc diện di dời của TP.HCM), mục tiêu của dự án là xây dựng chung cư để bán (không thuộc diện đầu tư để hình thành tài sản). Dự án được triển khai từ tháng 10/2004, Kinh phí đã đầu tư lũy kế đến 12/12/2014 là 459 tỷ đồng/Tổng mức đầu tư dự án được duyệt là 879 tỷ đồng. Tập đoàn đã chuyển nhượng dự án trong tháng 12/2014, hiện nay đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng dự án. Kết quả chuyển nhượng dự án dự kiến có lãi trước thuế 17%/ vốn đầu tư thực góp.

- Dự án Nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên giang: Đây là dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ MDF được thực hiện từ năm 2013, dự án đang trong giai đoạn triển khai xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị sản xuất. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2015, đầu năm 2016. Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt là 1.360 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 408 tỷ đồng, vốn vay 952 tỷ đồng. Đến 31/12/2014, giá trị đầu tư đã thực hiện được là 28,85 tỷ đồng, Chi phí đầu tư lũy kế là 46,93 tỷ đồng.

1.2. Dự án nhóm B:

- Dự án Trụ sở làm việc của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại 177 Hai Bà Trưng có tổng mức đầu tư là 233 tỷ đồng, triển khai đầu tư từ năm 2008, thời gian hoàn thành theo kế hoạch là năm 2010. Dự án kéo dài hơn 05 năm, nguyên nhân do năng lực yếu kém của nhà thầu và tỷ lệ lạm phát tăng cao trong giai đoạn 2008 – 2010 nên phát sinh chi phí bù giá tương đối lớn, việc thương thảo và tính toán chi phí bù giá giữa 02 bên không thống nhất nên làm cho tiến độ thi công kéo dài, phải tạm dừng thi công trong một thời gian dài. Hiện nay dự án đang triển khai trở lại và dự kiến dự án sẽ hoàn thành và bàn giao trong tháng 7 năm

2015. Đến 31/12/2014, giá trị đầu tư đã thực hiện là 133 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư dự án từ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

- Dự án Trụ sở của Tập đoàn tại 236 Nam kỳ khởi nghĩa, Quận 3, TP.HCM có tổng mức đầu tư 134 tỷ đồng, Chủ trương đầu tư triển khai từ năm 2003, nhưng không thực hiện vì đang vướng mắc một số thủ tục về quyền sử dụng đất. Giá trị đã đầu tư là 1,39 tỷ đồng (Chủ yếu là chi phí thiết kế). Hiện nay Tập đoàn đang triển khai các bước lập thủ tục đầu tư và xin mua Quyền sử dụng đất để sử dụng lâu dài. Sau khi hoàn tất các thủ tục trên sẽ triển khai đầu tư xây dựng dự án.

1.3. Dự án nhóm c:

Tập đoàn đang triển khai xây dựng hệ thống phần mềm quản lý trong toàn Tập đoàn, thời gian thực hiện dự kiến 01 năm (bắt đầu từ năm 2011) nhưng đến nay chưa hoàn chỉnh. Nguyên nhân do việc khảo sát, xây dựng hệ thống khá phức tạp. Giá trị đầu tư đến 31/12/2014 là 2,5 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Dự án dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2015.

2. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tập đoàn đang sử dụng vốn chủ sở hữu để đầu tư XDCB và kinh doanh đối với các dự án do Công ty mẹ trực tiếp làm chủ đầu tư, chưa huy động vốn từ bên ngoài.

- Đối với các đơn vị thành viên có vốn góp của Tập đoàn, Tập đoàn đang huy động và bảo lãnh vay vốn cho một số công ty thành viên có vốn góp của Tập đoàn, như sau:

2.1. Tổng số vốn đã huy động trong kỳ báo cáo: 803 tỷ đồng

- Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 315): 109 tỷ đồng

Trong đó:

+ Nợ dài hạn đến hạn trả của AFD 31,5 tỷ đồng: Đây là khoản vay của Ngân hàng AFD (Pháp) để đầu tư dự án “ Chương trình phát triển cao su quốc doanh khu vực Tây nguyên”, số dư nợ ban đầu là 536 tỷ đồng, số tiền phát sinh phải trả năm 2014 là 31 tỷ đồng. Số dư nợ trên được Tập đoàn nhận nợ với AFD và cho các công ty cao su khu vực Tây nguyên do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ vay lại.

+ Nợ dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng BNP Paribas 78 tỷ đồng, đây là khoản Tập đoàn nhận nợ vay của Ngân hàng BNP Paribas và cho Công ty cổ phần Thủy điện Sông Côn (công ty do Tập đoàn sở hữu 51% vốn điều lệ) vay lại để đầu tư vào dự án Thủy điện Sông Côn.

-Vay và nợ dài hạn (TK 341): 589 tỷ đồng

+ Nợ vay dài hạn AFD: 315 tỷ đồng (Tập đoàn nhận nợ với AFD và cho các công ty cao su khu vực Tây nguyên vay theo Chương trình phát triển cao su quốc doanh khu vực Tây nguyên), thời gian trả nợ 25 năm.

+ Nợ vay dài hạn Ngân hàng PARIBAS BNP: 274 tỷ đồng (Tập đoàn nhận

nợ với Ngân hàng PARIBAS BNP và cho Công ty Thủy điện VRG Sông côn vay để đầu tư Thủy điện Sông côn), thời gian trả nợ 10 năm.

2.2. Tình hình bảo lãnh các khoản nợ vay:

- Đến 31/12/2014, tổng số bảo lãnh các khoản nợ vay của Tập đoàn đối với các khoản vay cho các dự án, công ty con của Tập đoàn là: 21.212.500 USD và 3.694 tỷ đồng.

Trong đó:

- + Bảo lãnh vay cho các DA ĐT trồng cao su trong nước là: 2.193 tỷ đồng
- + Bảo lãnh vay cho các DA ĐT trồng CS ngoài nước là: 21.212.500 USD
- + Bảo lãnh vay cho các DA ĐT trồng cao su ngoài nước là: 436 tỷ đồng
- + Bảo lãnh vay cho các DA ĐT Thủy điện trong nước là: 546 tỷ đồng
- + Bảo lãnh vay cho DA ĐT Nhà máy Gỗ MDF là: 519 tỷ đồng

- Đa số các dự án trên có khả năng trả nợ gốc và lãi vay. Có 01 dự án khó trả nợ được gốc và lãi vay là dự án cao su tại Công ty CP Phú riêng - Kratie tại Campuchia (Dư nợ còn lại là 1,8 tỷ đồng).

3. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

3.1. Phân loại đầu tư:

- Đến 31/12/2014, Tập đoàn đã tham gia góp vốn và đầu tư vào 88 đơn vị thành viên được phân tích theo tiêu chí công ty con, công ty liên kết và Đầu tư tài chính, như sau:

+ Đầu tư góp vốn vào 47 Công ty con, trong đó có 23 công ty TNHH MTV do Tập đoàn đầu tư và nắm giữ 100% vốn điều lệ và 24 Công ty con do Tập đoàn nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

+ Đầu tư, góp vốn vào 23 Công ty, đơn vị liên kết (Tập đoàn nắm giữ dưới 50% mức vốn điều lệ). Trong đó có 02 công ty liên doanh với nước ngoài.

+ Đầu tư tài chính khác: Đến 31/12/2014, Tập đoàn đang đầu tư vào 14 doanh nghiệp khác (Tập đoàn nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ).

+ Đầu tư vào 04 đơn vị sự nghiệp có thu.

- Nếu phân loại việc đầu tư góp vốn của Tập đoàn theo ngành nghề kinh doanh qui định tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ, kết quả phân loại cụ thể như sau:

Lĩnh vực đầu tư	Số Công ty con là Cty TNHH MTV	Số Công ty CPH	Số Công ty góp vốn thành lập mới Cty CP	Tổng số
I. Ngành nghề SXKD chính	26	08	30	64

1. Lĩnh vực trồng, chế biến cao su	22	04	23	49
2. Lĩnh vực chế biến gỗ	0	01	03	04
3. Lĩnh vực cơ khí, CN	0	03	01	04
4. Đầu tư KCN từ đất trồng cao su	0	0	03	03
5. Đơn vị sự nghiệp	04	0	0	04
II. Ngành nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành nghề KD chính	01	0	0	01
- Công ty tài chính	01	0	0	01
III. Ngành nghề kinh doanh khác	0	05	18	23
1. Lĩnh vực Thủy điện	0	0	07	07
2. Xây dựng	0	03	01	04
3. Hạ tầng, KCN	0	02	05	07
4. Lĩnh vực Xi măng, sắt thép	0	0	02	02
5. Lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, Quỹ đầu tư	0	0	01	01
6. Lĩnh vực du lịch	0	0	02	02
Cộng	27	13	48	88

3.2. Đầu tư ra ngoài Công ty mẹ đến 31/12/2014 (Đính kèm Phụ lục số 1):

ĐVT: Tỷ đồng

Lĩnh vực đầu tư	Vốn điều lệ của các đơn vị thành viên	Vốn đầu tư TĐ cam kết góp	Vốn đầu tư của Tập đoàn đã góp vào các ĐV thành viên	Tỷ lệ % vốn Tập đoàn cam kết góp vào các ĐVTV	Tỷ lệ % vốn đầu tư của TĐ đã góp theo cam kết
1	2	3	4	5= 3/2	6=4/3
I. Ngành nghề SXKD chính	35.200	24.166	21.071	68,65	87,20
- Lĩnh vực trồng, chế biến cao su	32.528	22.806	19.582	70,11	85,86
- Chế biến gỗ	1.755	937	967	53,40	103,19
- Cơ khí, công nghiệp	462	230	335	49,78	145,62
- Đầu tư hạ tầng, khu CN từ đất trồng cao su	360	99	93	27,39	94,48
- Đơn vị sự nghiệp	93	93	93	100,00	100,00
II. Ngành nghề có liên quan trực tiếp	1.089	1.089	1.089	100	100

- Công ty tài chính	1.089	1.089	1.089	100	100
III. Ngành nghề kinh doanh khác	16.608	2.524	1.751	15,20	69,37
1. Lĩnh vực Thủy điện	9.658	1.380	999	14,29	72,39
2. Xây dựng	248	67	79	27,01	118,02
3. Hạ tầng, KCN	1.402	242	240	17,27	99,25
4. Lĩnh vực Xi măng, sắt thép	3.220	517	146	16,06	28,23
5. Lĩnh vực tài chính, ngân hàng	1.600	90	76,50	5,63	85
6. Lĩnh vực du lịch	479	227	209	47,41	92,26
Cộng	52.897	27.778	23.911	52,51	86,08

Tính đến 31/12/2014, Tổng số vốn đầu tư của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam vào các đơn vị thành viên là 23.911 tỷ đồng (bao gồm cả các công ty con là Công ty TNHH một thành viên do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, các công ty cổ phần, công ty liên kết, Xí nghiệp liên doanh, đơn vị sự nghiệp) và các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác; Tổng số vốn đầu tư của công ty mẹ đã đầu tư vào các đơn vị thành viên đạt 86,08% vốn đã cam kết và chiếm 91,38% vốn điều lệ của công ty mẹ. Trong đó, Công ty Mẹ Tập đoàn đã đầu tư vào các ngành, lĩnh vực sản xuất, như sau:

- Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính:

+ Tổng vốn Tập đoàn cam kết góp là 24.165 tỷ đồng, chiếm 68,65% vốn điều lệ của các đơn vị thành viên.

+ Số vốn Tập đoàn đã góp tới 31/12/2014 là 21.071 tỷ đồng, đạt 87,20% vốn cam kết và chiếm 88,12% vốn đầu tư ra ngoài của công ty mẹ.

- Đầu tư vào ngành nghề có liên quan phục vụ trực tiếp ngành nghề chính là 1.089 tỷ đồng, đạt 100 % vốn điều lệ đã cam kết góp và chiếm tỷ lệ 4,55 % vốn đầu tư ra ngoài của Công ty Mẹ.

- Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh khác:

+ Tổng vốn Tập đoàn cam kết góp là 2.524 tỷ đồng, chiếm 15,20% vốn điều lệ các đơn vị thành viên.

+ Số vốn Tập đoàn đã góp tới 31/12/2014 là 1.751 tỷ đồng, đạt 69,37% vốn cam kết và chiếm 7,32% vốn đầu tư ra ngoài của công ty mẹ.

* Về phương hướng đầu tư các dự án như sau:

- Đối với các dự án thuộc ngành nghề SXKD chính: Tập đoàn sẽ tiếp tục đầu tư để sớm đưa dự án vào SXKD theo qui định hiện hành của nhà nước.

- Đối với các dự án thuộc ngành nghề có liên quan (Công ty Tài chính

TNHH MTV cao su Việt Nam): Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 2469/TTg-ĐMDN ngày 09/12/2014 chấp thuận sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV cao su Việt Nam vào Công ty mẹ Tập đoàn, hiện nay Tập đoàn đang hoàn chỉnh các hồ sơ trình các cơ quan có liên quan để thực hiện chủ trương sáp nhập trên.

- Đối với các dự án thuộc ngành nghề kinh doanh khác:

+ Các dự án đang SXKD: Tập đoàn đang triển khai các thủ tục thoái vốn theo Qui định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các dự án đang trong giai đoạn đầu tư: Trước mắt, Tập đoàn sẽ tiếp tục đầu tư hoàn thành dự án, khi dự án đi vào giai đoạn SXKD sẽ triển khai thoái vốn theo qui định.

3.3. Hiệu quả đầu tư đến 31/12/2014 của Công ty mẹ (Phụ lục 1 đính kèm):

a) Kết quả Đầu tư vào ngành nghề SXKD chính:

Tập đoàn có 64 đơn vị thuộc ngành nghề SXKD chính, lợi nhuận được chia năm 2014 được 560 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 2,66% vốn góp. Trong đó:

- Lĩnh vực trồng và chế biến cao su: có 49 doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực trồng và chế biến cao su, tổng số vốn đã đầu tư 19.582 tỷ đồng; lợi nhuận của các đơn vị thành viên sau khi trích lập các quỹ theo qui định, lợi nhuận nộp về Công ty mẹ là 537 tỷ đồng, đạt tỷ lệ bình quân 2,74 % vốn góp. Trong đó:

+ Các đơn vị trồng và chế biến cao su đã có kết quả SXKD: Gồm 26 đơn vị là các công ty TNHH MTV, công ty cổ phần; tổng vốn đầu tư các đơn vị này là 11.353 tỷ đồng, lợi nhuận của các đơn vị thành viên sau khi trích lập các quỹ theo qui định, lợi nhuận nộp Tập đoàn là 428 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận đạt 3,77% vốn góp.

+ Các đơn vị trồng và chế biến cao su đang trong giai đoạn đầu tư: 23 đơn vị, tổng vốn đã đầu tư 8.229 tỷ đồng. Dự kiến các đơn vị này sẽ đưa vào kinh doanh từ năm 2015 trở đi.

- Chế biến gỗ: có 04 doanh nghiệp với tổng mức vốn góp là 967 tỷ đồng, lợi nhuận được chia năm 2014 là 16 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận bình quân của các doanh nghiệp chế biến gỗ là 1,65 %/ vốn góp. Trong 04 doanh nghiệp chế biến gỗ đã có lãi và chia cổ tức (riêng công ty gỗ MDF Dong Wha thực hiện chia cổ tức trong năm 2015).

- Ngành công nghiệp, cơ khí cao su: có 04 doanh nghiệp với tổng số vốn góp là 335 tỷ đồng, lợi nhuận thu được là 3,57 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận bình quân là 1,07% / vốn góp.

- Các dự án khu công nghiệp từ đất trồng cao su:

Có 03 doanh nghiệp, tổng số vốn góp 93 tỷ đồng, lợi nhuận được chia 3,26 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp là 3,51%. Trong 03 doanh nghiệp này có 01 doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động SXKD có lãi, tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp là

10% và 02 doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có lãi.

- Các đơn vị sự nghiệp:

Có 04 đơn vị sự nghiệp do Tập đoàn đầu tư 100% vốn, đây là các đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động của các đơn vị đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển của Tập đoàn.

b) Kết quả đầu tư vào ngành nghề có liên quan trực tiếp ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trong lĩnh vực này có Cty Tài chính TNHH MTV do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, với số vốn điều lệ 1.089 tỷ đồng. Cty Tài chính TNHH MTV cao su Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép sáp nhập vào Công ty mẹ Tập đoàn theo Công văn số 2469/TTg-ĐMDN ngày 09/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Tập đoàn đang triển khai hoàn thiện các thủ tục trình các Bộ ngành để thực hiện chủ trương này.

c) Kết quả đầu tư vào ngành nghề kinh doanh khác:

Tập đoàn hiện đang đầu tư vào 23 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này, tổng mức vốn góp là 1.751 tỷ đồng, lợi nhuận được chia năm 2014 là 69 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp là 3,94%. Trong đó:

- Các dự án thủy điện: Có 07 doanh nghiệp với số vốn góp là 999 tỷ đồng, lợi nhuận được chia là 29,80 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận là 2,98% / vốn góp. Tuy nhiên trong số 07 doanh nghiệp này thì chỉ có Cty CP Đầu tư XD và PT năng lượng Vinaconex, Thủy điện Sông côn và Thủy điện Bảo lộc đã chia cổ tức, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn góp nhận được trong năm 2014 của 03 công ty trên là 19%, 5% và 6,64%, còn lại 04 đơn vị đang trong giai đoạn đầu tư, 02 đơn vị phát điện năm 2015, 02 đơn vị tiếp tục đầu tư để phát điện trong các năm tới.

- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng:

Có 04 đơn vị đang hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, tổng số vốn góp trong lĩnh vực này là 79 tỷ đồng (có 03 đơn vị CPH và 01 đơn vị góp vốn mua cổ phần), lợi nhuận nhận được năm 2014 là 6,89 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp là 8,72%.

- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh hạ tầng, khu công nghiệp:

Gồm 07 doanh nghiệp, trong đó có 02 đơn vị cổ phần hóa và 05 đơn vị thành lập mới. Tổng số vốn góp 240 tỷ đồng, lợi nhuận được chia năm 2014 là 32,30 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp là 13,44 %. Trong số 07 doanh nghiệp này có 04 doanh nghiệp có lãi và chia cổ tức, còn 03 doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư.

- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xi măng, sắt thép:

Có 02 đơn vị đang hoạt động với tổng số vốn góp của Tập đoàn là 146 tỷ đồng, trong đó Cty CP thép tấm miền nam đang trong thời gian đầu tư và Cty CP Ciment Fico Tây Ninh đang SXKD nhưng chưa chia cổ tức.

- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch:

Có 02 đơn vị đang hoạt động trong lĩnh vực này, tổng số vốn góp của Tập đoàn là 210 tỷ đồng, trong đó Cty CP TMDV và Du lịch cao su bị lỗ, Cty CP Vững tàu Intourco có lãi nhưng chưa chia cổ tức.

- Lĩnh vực Tài chính , ngân hàng:

Tập đoàn góp vốn vào Quỹ đầu tư Việt Nam, đã và đang thực hiện thoái vốn , tổng số vốn góp còn lại là : 76,50 tỷ đồng, năm 2015 tiếp tục thoái vốn và dự kiến có lãi .

3.4. Kế hoạch tăng hoặc giảm vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác, như sau:

a) Tập đoàn dự kiến tăng vốn điều lệ để đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác từ 2012 đến 2015 như sau:

- Tổng vốn điều lệ đề nghị tăng thêm:	20.003 tỷ đồng
Trong đó: Đầu tư tài chính:	20.003 tỷ đồng
- Tổng vốn điều lệ lũy kế đến 2015:	46.169 tỷ đồng
- Mục tiêu đầu tư:	

+ Đầu tư mở rộng và tái canh vườn cây cao su đến 2015, trong đó mở rộng diện tích cao su đến 2015 đạt trên 400.000 ha, trong đó diện tích cao su kinh doanh khoảng 190.000 ha.

+ Đầu tư nâng công suất cơ sở chế biến hiện có, xây dựng mới ở vùng có đủ nguyên liệu theo quy hoạch để đảm bảo chế biến hết sản lượng mù khai thác của Tập đoàn và một phần của các thành phần kinh tế khác. Đến 2015, tổng sản lượng chế biến và tiêu thụ toàn Tập đoàn đạt khoảng 400.000 tấn cao su.

+ Đầu tư, cải tạo nâng cao công suất chế biến gỗ, tăng gấp đôi công suất tinh chế, sản lượng quy đổi khoảng 50.000 m³. Tiếp tục mở rộng sản xuất gỗ nhân tạo (MDF), đến 2015 sản lượng đạt khoảng 400.000 m³.

+ Duy trì và phát triển các sản phẩm công nghiệp đã có, phát triển mạnh các sản phẩm có nhu cầu sử dụng cao su thiên nhiên. Phân đầu đến 2015 có sản lượng chỉ thun, găng tay, nệm, băng tải, dây curoa.... công suất trên 15.000 tấn/ năm.

+ Tiếp tục đầu tư một số dự án đang triển khai dở dang trên cơ sở bảo tồn và hiệu quả nguồn vốn, đồng thời thoái vốn các dự án đã đủ điều kiện theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Tập đoàn dự kiến giảm vốn điều lệ đã đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác như sau:

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 2753/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 21/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt Phương án thoái vốn đầu tư ra

ngoài doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Quyết định số 3369/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 31/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án thoái vốn cho 25 đơn vị ngoài ngành chính, tổng số vốn đã đầu tư tại 25 đơn vị sẽ được thoái vốn trước năm 2015 là 2.092 tỷ đồng.

Trong năm 2014, Tập đoàn đã thoái vốn tại các đơn vị ngoài ngành chính theo giá sổ sách là 578 tỷ đồng, thu về 703 tỷ đồng tại Công ty CP Đầu tư hạ tầng VRG, Ngân hàng SHB và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà nội, thoái một phần vốn tại Quỹ đầu tư Việt Nam, Công ty TNHH BOT Đồng tháp..... Đến 31/12/2014, số đơn vị ngoài ngành là 23 công ty, số vốn còn đầu tư là 1.751 tỷ đồng. Tập đoàn đang đẩy nhanh tiến độ thoái vốn trong năm 2015 theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

c) Kiến nghị và đề xuất của Tập đoàn:

c.1) Về vốn Điều lệ Tập đoàn:

Theo Quyết định số 514/QĐ –TTg ngày 2/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2011 – 2015 của Tập đoàn CNCS Việt Nam; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chỉ tiêu đầu tư phát triển hàng năm là 15.000 tỷ đồng, nguồn vốn thực hiện chủ yếu từ nguồn vốn tự có của Tập đoàn và nguồn vốn vay.

Theo cơ chế đặc thù được Thủ tướng phê duyệt và Nghị định Điều lệ Tập đoàn được Chính phủ ban hành, các dự án phát triển cao su được áp dụng cơ chế sử dụng 70% vốn chủ sở hữu theo qui định. Trên cơ sở đó, Tập đoàn đã xây dựng phương án tăng vốn điều lệ giai đoạn 2012-2015 với số tiền là 20.003 tỷ đồng (từ nguồn lợi nhuận để lại; vốn tăng lên do cổ phần hoá, nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; nguồn khác theo qui định), và đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT xem xét trình Thủ tướng. Đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT đôn đốc để Bộ Tài chính sớm thẩm định để trình Thủ tướng xem xét, chấp thuận để Tập đoàn được phê duyệt tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo quy định tại Nghị định 71, Tập đoàn phải nộp phần chênh lệch số vốn chủ sở hữu cao hơn vốn điều lệ. Tuy nhiên do Tập đoàn thực hiện triển khai đầu tư hàng năm theo kế hoạch được phê duyệt, và đang lập hồ sơ trình Thủ tướng xin tăng vốn điều lệ như trên; mặt khác, thủ tục trình tăng vốn điều lệ khá phức tạp, không kịp thời, nên trong thời gian qua tại thời điểm kết thúc năm tài chính, vốn chủ sở hữu của Tập đoàn có số liệu cao hơn vốn điều lệ đã được phê duyệt từ năm 2011 (thực tế toàn bộ số vốn trên đã được Tập đoàn đầu tư theo kế hoạch duyệt, nên không có nguồn vốn thừa). Do vậy sau khi có quyết định tăng vốn điều lệ giai đoạn 2012-2015, Tập đoàn sẽ thực hiện trích nộp theo qui định nếu có phát sinh nguồn vốn thừa.

Trong thời gian qua, thực hiện cơ chế đặc thù được Chính phủ phê duyệt đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển dự án cao su của Tập đoàn. Tuy nhiên do các dự án phát triển cao su ở từng vùng, miền có điều kiện thuận lợi, khó khăn và hiệu quả khác nhau, nên việc áp dụng cùng một cơ chế nguồn vốn cho tất cả các dự

án phát triển cao su là chưa thật sự phù hợp; Tập đoàn kiến nghị được cân đối, cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu theo tỉ lệ phù hợp với từng dự án, nhưng tổng toàn Tập đoàn vẫn đảm bảo ở mức 70% vốn chủ sở hữu theo qui định.

c.2) Về quy mô diện tích cao su của Tập đoàn đến 2015:

Theo kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 của Tập đoàn được Chính phủ phê duyệt, tổng diện tích Tập đoàn đến năm 2015 là 500.000 ha trong đó ở nước ngoài từ 180.000 đến 200.000 ha, trong nước từ 300.000 đến 320.000 ha. Tuy nhiên diện tích ở nước ngoài không đạt được như kỳ vọng do việc thay đổi chính sách về đất đai của nước bạn Lào và Campuchia, việc tiếp cận quỹ đất tại Myanmar còn gặp nhiều khó khăn nên dự kiến diện tích đến 2015 tại nước ngoài của Tập đoàn chỉ khoảng 130.000 ha; trong nước chương trình chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cao su của Chính phủ hiện tạm dừng, dự kiến diện tích chỉ khoảng 290.000 ha. Do vậy, kiến nghị điều chỉnh quy mô diện tích cao su của Tập đoàn xuống còn khoảng 420.000 ha.

c.3) Thực hiện chủ trương của Nhà nước về phát triển cao su ở khu vực miền núi phía Bắc, Tập đoàn đã thực hiện trồng thí điểm cao su ở một số tỉnh như Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Phú Thọ với tổng diện tích đến nay là 5.700 ha, diện tích này nằm ngoài quy hoạch phát triển cao su cả nước, vườn cây đã trồng đến nay phát triển tốt, phù hợp với quy trình. Đề nghị Bộ xem xét bổ sung diện tích nêu trên vào Quy hoạch phát triển cao su cả nước để bảo đảm tính pháp lý của diện tích này, giúp các Công ty cao su ở khu vực hoàn thiện các thủ tục chứng nhận đầu tư, hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định.

c.4) Về đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi trên quỹ đất phát triển cao su:

Trong thời gian qua do quy định chi đầu tư vào ngành sản xuất chính là cây cao su nên Tập đoàn chỉ độc canh cây cao su; để khai thác hết tiềm năng và hiệu quả đất đai, Tập đoàn kiến nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT chấp thuận để các công ty thực hiện việc đa dạng cây trồng, Tập đoàn sẽ lựa chọn các loại cây trồng có thị trường tiêu thụ lớn, trong nước phải nhập khẩu và đủ điều kiện để áp dụng các biện pháp kỹ thuật cao để đầu tư. Để thực hiện, Tập đoàn đề nghị Bộ chấp thuận và trình Chính phủ ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ Tập đoàn từ: "*Trồng, chế biến và kinh doanh cao su*" thành "*Trồng, chế biến, kinh doanh cao su và các loại cây trồng nông, lâm nghiệp khác; chăn nuôi gia súc, gia cầm*".

c.5) Về chính sách ưu đãi đối với dự án cao su:

- Theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định 210/NĐ-CP thì dự án cây cao su không được xếp vào ngành nghề Nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào tiêu chí trồng cao su cũng là "*trồng rừng*" vì cây cao su là loại cây vừa cho mủ cao su vừa cho gỗ; gỗ cây cao su là nguồn cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ, gỗ ván ghép, gỗ MDF, sản phẩm gỗ tinh chế . . ., cây cao su còn góp phần bảo vệ môi trường, tăng độ che phủ. Vì những lý do trên, cây cao su đã được công nhận là cây lâm

nghiệp; đồng thời các dự án trồng cao su cũng đáp ứng tiêu chí "Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến. Xây dựng cánh đồng lớn", thì cây cao su đủ điều kiện để xếp vào lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư. Bộ Tài chính theo văn bản số 2632/BTC-QLCS ngày 26/02/2015 cũng đã ủng hộ quan điểm này. Tập đoàn đã có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tập đoàn kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT có ý kiến đề Bộ Kế hoạch & Đầu tư hướng dẫn để các địa phương chấp thuận các dự án cao su được hưởng ưu đãi theo quy định.

c.6) Đề nghị được miễn tiền thuê đất trong thời gian kiến thiết cơ bản của vườn cây cao su;

c.7) Về cơ chế hỗ trợ cho các dự án cao su ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc:

Theo quy định hiện hành, các công ty sử dụng lao động là đồng bào dân tộc thiểu số được ngân sách hỗ trợ nộp thay Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí đào tạo và hỗ trợ 20% định mức lao động trong thời gian 5 năm;

Tập đoàn đã và đang triển khai quyết toán kinh phí hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đối với các khoản BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí đào tạo. Riêng hỗ trợ 20% định mức lao động cho đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay chưa quyết toán được do chưa có hướng dẫn cụ thể nên không quyết toán được.

Tập đoàn đề nghị các Bộ ngành có hướng dẫn cụ thể chính sách hỗ trợ 20% định mức lao động cho đồng bào dân tộc thiểu số để triển khai thực hiện.

c.8) Về cơ chế dân góp đất thành cổ đông công ty ở tỉnh Sơn La:

Trên cơ sở đề xuất của UBND tỉnh Sơn La, Bộ Tài chính đã tham mưu Chính phủ có Quyết định số 990/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014, quy định việc thí điểm cho các hộ nông dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp có thời hạn để hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam để thực hiện dự án phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Nội dung chính của Quyết định là người dân vốn góp bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp, được nhận số cổ phần tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất và được giữ nguyên tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (người dân không bị mất đất), tuy nhiên không được chuyển nhượng, thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nông nghiệp đã góp vốn trong thời gian góp vốn.

Tuy nhiên, theo Mục 1 Điều 36: Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn của Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực từ 01/7/2015 quy định: "Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền", như vậy việc thực hiện Quyết định 990/QĐ-TTg sẽ không còn phù hợp. Tập đoàn kiến nghị Bộ chấp thuận cho Tập đoàn không tiếp tục thực hiện theo hình thức dân góp đất trở thành cổ đông công ty ở tỉnh Sơn La.

c.9) Về thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp:

- Về cổ phần hóa các công ty cao su :

+ Để đảm bảo tính pháp lý và tính khả thi khi xác định giá trị doanh nghiệp đề CPH đối với các công ty cao su năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính xem xét, cho phép các công ty cao su thuộc Tập đoàn triển khai cổ phần hóa năm 2015 được phép áp dụng việc xác định giá trị doanh nghiệp theo Thông tư số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/4/2015 từ 0 giờ ngày 01/01/2015.

+ Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp: Tại khoản 1, Điều 3 qui định: “Khi cổ phần hóa công ty mẹ, công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo qui định tại thông tư này”.

Năm 2015, Tập đoàn đang triển khai xác định giá trị doanh nghiệp đối với Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh, trong đó có Công ty cao su VKETI là công ty con do Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh sở hữu 100% vốn điều lệ đang đầu tư trồng cao su tại tỉnh Karatie – Vương quốc Campuchia, nên việc xác định giá trị doanh nghiệp đối với công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh có phải xác định giá trị công ty con tại Vương quốc Campuchia theo tinh thần Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 nêu trên hay không? Trong đó xác định giá trị đối với vườn cây cao su có thực hiện theo Thông tư số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính hay không ?

- Về công tác thoái vốn ngoài ngành sản xuất chính:

Tập đoàn đang tích cực triển khai và đã có một số kết quả nhất định, các công ty đã thoái vốn đều có lợi nhuận. Tập đoàn tiếp tục triển khai trong năm 2015 theo lộ trình được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt, tuy nhiên trong danh mục có những công ty mới vừa hoàn thành việc xây dựng cơ bản, kết quả kinh doanh trong vài năm đầu chưa tốt, do phải tập trung để trả nợ, do vậy khó thoái vốn có hiệu quả trong giai đoạn này, kiến nghị Bộ cho phép giãn tiến độ thoái vốn sau năm 2015 để hiệu quả thoái vốn cao hơn.

4. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Thâm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ của Tập đoàn phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Tình hình trích khấu hao tài sản theo quy định tại Quyết định số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính;

- Tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Năm 2014 không phát sinh thanh lý, nhượng bán TSCĐ tại Công ty Mẹ..

- Tình hình xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém mất phẩm chất: không phát sinh.

- Tổng số đầu tư tài chính ngắn hạn : 1.048.824.897.483 đ , trong đó có 3 khoản thu hồi vốn gặp khó khăn , kéo dài thời gian, với số tiền: 113.513.304.133 đ

+ Tại công ty cổ phần chứng khoán cao su : 7.336.500.000 đ (Trả nợ

thay do bảo lãnh)

+ Tại Công ty cổ phần cao su Phú riềng – Karatie : 86.176.804.133 đ (Trá nợ thay do bảo lãnh)

+ Tại Tổng công ty xây dựng Miền Trung : 20.000.000.000 đ (Cho vay, mượn)

- Tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Tổng số nợ phải thu: 9.260.635.325.734 đồng

Trong đó:

. Nợ phải thu ngắn hạn: 1.171.600.377.448 đồng

Đây là các khoản phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, kinh phí quản lý Tập đoàn, lợi nhuận, cổ tức được chia....

Trong năm không phát sinh nợ phải thu khó đòi.

. Nợ phải thu dài hạn: 8.089.034.948.286 đồng

Đây chủ yếu là các khoản tạm ứng vốn XDCCB theo kế hoạch cho các công ty thành viên. Sau khi có quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ thì các khoản tạm ứng vốn nói trên sẽ chuyển thành góp vốn điều lệ.

Trong năm không có phát sinh các khoản nợ phải thu dài hạn khó đòi.

+ Tổng số nợ phải trả: 1.208.661.428.093 đồng

Trong đó:

. Nợ phải trả ngắn hạn: 385.592.779.197 đồng

Trong đó có khoản nợ phải trả 109 tỷ đồng của BNP và AFD đã thuyết minh tại điểm a, khoản 1.2; thuế phải nộp nhà nước 6,2 tỷ đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi 139 tỷ đồng, số còn lại là các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp khác, phải trả người lao động...

Trong năm 2014 không phát sinh các khoản công nợ phải trả quá hạn.

. Nợ phải trả dài hạn: 823.068.648.896 đồng

Trong đó có khoản vay ngân hàng BNP và AFD để tài trợ vốn cho Thủy điện sông Côn là 589 tỷ đồng. Ngoài ra là nhận vốn góp của Tổng công ty cao su Đông Nai và Cty CP Kỹ thuật XDCCB và địa ốc cao su về góp vốn dự án 381 Bến chương dương (217 tỷ đồng), ủy thác đầu tư góp vốn vào Cty CP VRG Đắc Nông.

Trong năm không có phát sinh các khoản phải trả quá hạn thanh toán.

II. TÌNH HÌNH BẢO TOÁN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN (Biểu 6, Mẫu 01):

1. Nguồn vốn chủ sở hữu (31/12/2014): 34.977.995 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 26.166.499 triệu đồng

- Quỹ đầu tư phát triển:	4.015.950 triệu đồng
- Nguồn vốn đầu tư XDCB:	4.641.659 triệu đồng
- Quỹ dự phòng tài chính:	28.858 triệu đồng
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:	121.472 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	2.575 triệu đồng
- Quỹ Hỗ trợ SXDN:	980 triệu đồng
2. Tổng số nợ phải trả:	1.208.661 triệu đồng

Bao gồm:

2.1. Nợ ngắn hạn:	385.592 triệu đồng
Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn:	109.953 triệu đồng
2.2. Nợ dài hạn:	823.069 triệu đồng
Trong đó: Vay và nợ dài hạn:	589.681 triệu đồng
2.3 Khả năng thanh toán của toàn Tập đoàn :	

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:

Tổng giá trị tài sản = 36.186.657 tr đồng / 1.208.661 tr đồng = 29,94

Nợ phải trả

- Hệ số: nợ phải trả / vốn CSH = 1.208.661 tr đồng / 34.997.995 tr đồng = 0,03

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn:

4.112.516 triệu đồng / 385.592 triệu đồng = 10,66

*** Đánh giá nhận xét:**

Với các chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2014, tình hình tài chính của Công ty mẹ Tập đoàn đều khá tốt, đơn vị đã bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước giao, sản xuất kinh doanh có lãi. Các chỉ tiêu an toàn vốn được đảm bảo theo qui định hiện hành của Nhà nước.

III. TÌNH HÌNH SXKD VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2014 (Biểu 3, Mẫu 01):

1. Về doanh thu và thu nhập:

- Về sản lượng tiêu thụ: Sản lượng tiêu thụ năm 2014 đạt 17.840 tấn cao su, bằng 92,97 % của năm 2013, đạt 89,20% kế hoạch của năm 2014.

- Về doanh thu và thu nhập: Doanh thu và thu nhập đạt 1.206 tỷ đồng, bằng 43,33% của năm 2013, đạt 117,31% kế hoạch năm 2014. Nguyên nhân:

+ Sản lượng tiêu thụ năm 2014 giảm so với kế hoạch và giảm so với năm 2013 do tình hình kinh tế thế giới suy thoái, việc tiêu thụ cao su chậm hơn các năm trước, mặt khác giá cao su có xu hướng giảm liên tục nên việc kinh doanh cao su của Công ty mẹ - Tập đoàn cũng bị ảnh hưởng rất lớn.

+ Do giá bán cao su năm 2014 giảm mạnh so với các năm trước. Giá tiêu thụ cao su bình quân năm 2014 đạt 37,3 triệu đồng/ tấn (bằng 72% giá bán của năm 2013). Giá bán thực hiện năm 2014 giảm 1,85% so với giá bán kế hoạch 2014, tuy nhiên do doanh thu tài chính và thu nhập khác tăng nên tổng doanh thu và thu nhập thực hiện 2014 cao hơn kế hoạch đề ra.

2. Về lợi nhuận:

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014 đạt 775 tỷ đồng, bằng 177,75 % lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2014; bằng 111,35% lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2013.

Nguyên nhân: Mặc dù do giá cao su giảm, nhưng do chi phí giảm và thu nhập hoạt động tài chính, thu nhập khác đều tăng nên kết quả SXKD năm 2014 cao hơn 2013 và kế hoạch 2014.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

-Về nghĩa vụ với ngân sách:

+ Thuế TNDN phát sinh phải nộp trong năm 2014 là 48 tỷ đồng.

-Về phân phối lợi nhuận:

Tập đoàn đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo qui định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Về xếp loại doanh nghiệp:

Loại A

+ Đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý DN: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

-Về trích lập và sử dụng các Quỹ:

+ Tổng lợi nhuận sau thuế:

727.051.893.236 đồng

+ LN giảm do bàn giao KS Majettic:

(Theo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 391/TB-VPCP ngày 01/10/2014 về việc Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về việc Bàn giao TTTMKS về Tổng cục I – Bộ Công an):

323.000.000.000 đồng

+ Trích lập các Quỹ:

133.517.359.766 đồng

. Quỹ Đầu tư phát triển (30%):

121.590.018.641 đồng

. Quỹ thưởng VCQL (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ):

684.370.375 đồng

. Quỹ KT, Phúc lợi (Loại A, 03 tháng TL):

11.242.970.750 đồng

+ Lợi nhuận còn lại nộp ngân sách:

271.782.702.370 đồng

+ Lợi nhuận còn lại cuối năm (CL tỷ giá):

2.575.714.715 đồng

-Tình hình biến động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN:

Số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tới 31/12/2014 là 980.050.000 đồng, đây là khoản nhượng bán tài sản không cần dùng, chờ thanh lý đã loại khỏi giá trị doanh nghiệp của Công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

4. Tình hình trích lập và sử dụng các Quỹ đặc thù tại Tập đoàn:

Căn cứ Quyết định số 2985/QĐ-BTC ngày 09/12/2011 của Bộ Tài chính phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Quyết định số 836/QĐ-BTC ngày 04/4/2012 của Bộ Tài chính phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam được trích lập các quỹ tập trung tại Công ty mẹ như sau:

a) Quỹ Dự phòng tài chính tập trung:

-Số dư đầu kỳ:	44.056.973.572 đồng
-Phát sinh tăng trong kỳ:	2.066.485.822 đồng
- Phát sinh giảm trong kỳ:	17.265.000.000 đồng
-Số dư cuối kỳ:	28.858.459.394 đồng

Trong năm 2014, chỉ phát sinh số phải nộp về tồn đọng Quỹ các năm trước, không phát sinh khoản phải nộp mới về Quỹ Dự phòng tài chính tập trung vì theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, khi phân phối lợi nhuận của các công ty TNHH MTV do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ không trích lập Quỹ dự phòng tài chính. Do vậy Tập đoàn không huy động được Quỹ dự phòng tài chính tập trung tại Cty mẹ.

Số dư Quỹ dự trữ tài chính tập trung còn tồn tại Công ty Mẹ sẽ được xử lý cho các khoản thiệt hại về thiên tai như Bão, lũ, rét đậm, rét hại... đối với các công ty TNHH MTV do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ trong năm 2014 và các năm sau khi có phát sinh.

b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi tập trung:

- Số dư đầu kỳ:	122.869.620.017 đồng
- Tăng trong kỳ:	43.257.942.409 đồng
- Giảm trong kỳ:	61.408.817.207 đồng
- Số dư cuối kỳ:	104.718.745.219 đồng

Thuyết minh:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi tập trung được trích lập bằng 5% Quỹ khen thưởng, phúc lợi phát sinh tại đơn vị và được Tập đoàn chi sử dụng để khen thưởng, chi phúc lợi cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn chi phối đang trong giai đoạn đầu tư chưa có kết quả kinh doanh, chi khen thưởng, chi phúc lợi cho

các nội dung có liên quan đến hoạt động chung của Tập đoàn.

c) Quỹ Nghiên cứu khoa học và đào tạo tập trung:

- Số dư đầu kỳ:	98.298.205.107 đồng
- Tăng trong kỳ:	33.743.279.759 đồng
- Giảm trong kỳ:	10.569.053.404 đồng
- Số dư cuối kỳ:	121.472.431.462 đồng

Thuyết minh:

Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo tập trung được trích lập bằng 10% Quỹ Đầu tư phát triển phát sinh hàng năm tại đơn vị, Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo tập trung dùng để chi cho hoạt động đầu tư XDCB tại Viện nghiên cứu cao su và Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su, chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo tập trung của Tập đoàn.

5. Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

Theo Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được kiểm toán của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn năm 2014 như sau:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh:	-1.032.802.626.424 đ
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư:	-160.618.926.775 đ
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính:	-109.046.084.869 đ
Lưu chuyển tiền thuần trong năm:	-1.302.467.638.068 đ
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm:	2.658.723.262.896 đ
- Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ:	2.575.714.715 đ
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm:	1.358.831.339.543 đ

Qua số liệu trên ta thấy: Do có lượng tiền tồn quỹ đầu năm lớn nên đã bù đắp cho tất cả các lĩnh vực lưu chuyển tiền trong năm đều âm.

Số dư tiền và tương đương tiền đầu kỳ và cuối kỳ khá lớn, bảo đảm một phần cho các khoản đầu tư góp vốn cũng như bảo lãnh vay ngân hàng cho các đơn vị thành viên triển khai các dự án đầu tư.

6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách, pháp luật:

6.1. Về chấp hành chính sách thuế:

Tập đoàn chấp hành nghiêm túc các chế độ chính sách thuế hiện hành của nhà nước, biểu hiện thông qua một số nội dung sau:

- Kê khai kịp thời, đầy đủ các chế độ thuế hiện hành như thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế nhà đất, thuế xuất nhập khẩu

- Nộp kịp thời, đầy đủ, đúng hạn các loại thuế theo qui định.

6.2. Về chính sách tiền lương:

Tập đoàn chấp hành nghiêm túc chế độ chính sách đối với người lao động, trong đó có chính sách tiền lương, cụ thể như : nâng bậc lương đúng chế độ, đúng kỳ hạn; xây dựng thang bảng lương, xây dựng quỹ tiền lương trình Bộ Lao động thương Binh và xã hội thỏa thuận để Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt. Tách bạch giữa quỹ tiền lương của Viên chức quản lý và tiền lương của người lao động trong Tập đoàn.

6.3. Các chế độ chính sách khác:

Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập. Ngoài việc chấp hành tốt các chính sách thuế, chính sách tiền lương đối với người lao động; Tập đoàn còn chấp hành tốt các qui định hiện hành về đầu tư XDCB, quản lý vốn, tài sản của nhà nước, tuân thủ tốt chế độ báo cáo thông kê theo qui định hiện hành, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường. Chấp hành đúng các qui định và thực hiện tốt việc khắc phục các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính, kiểm toán nhà nước.

7. Kiến nghị của Tập đoàn về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014:

Năm 2014 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù lãi vay vốn có giảm nhưng vẫn còn đứng ở mức cao, tình hình hồi phục kinh tế diễn ra chậm, giá bán mủ cao su liên tục giảm đã làm cho công tác tiêu thụ cao su của Tập đoàn ngày càng khó khăn.

Tình hình thời tiết, khi hậu ngày càng diễn biến phức tạp như bão, lốc xoáy, mưa lũ, sạt lở đất, rét đậm, rét hại và các loại bệnh phấn trắng, bệnh nấm hồng ... phát sinh thường xuyên đã làm ảnh hưởng rất lớn đến năng suất, sản lượng cao su cũng như chi phí đầu tư cho cao su KTCB.

Do vậy, Tập đoàn đề xuất một số kiến nghị như sau:

a) Cho phép Tập đoàn để lại 100% lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ theo qui định của pháp luật để bổ sung vốn đầu tư từ năm 2014.

b) Cho phép Tập đoàn được tiếp cận và sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi nhà nước để đầu tư phát triển cao su với thời gian ân hạn phù hợp với chu kỳ kinh doanh của cây cao su.

c) Cho phép Tập đoàn được lồng ghép các chương trình ưu đãi đầu tư, các chương trình an sinh xã hội, chương trình y tế, giáo dục khi Tập đoàn đầu tư tại các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

III. GIẢI TRÌNH CỦA TẬP ĐOÀN ĐỐI VỚI CÁC Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP:

Về ý kiến của Kiểm toán độc lập: “ Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn

ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN:

Chỉ tiêu	Năm 2013 (Tr đồng)	Năm 2014 (Tr đồng)	Tỷ lệ 2014/2013 (%)
1. Tổng tài sản	33.808.297	36.186.657	107,03
2. Vốn chủ sở hữu	32.279.653	34.977.996	108,36
3. Nợ phải thu	6.221.279	9.260.634	148,85
Trong đó : Nợ khó đòi			
4. Nợ phải trả	1.528.644	1.208.661	79,06
Trong đó: Nợ quá hạn			
5. Lợi nhuận phát sinh	696.773	774.996	111,22

Qua số liệu trên cho thấy:

- Giá trị tổng tài sản tăng 7,03% so với năm 2013, Tập đoàn đã bảo toàn và phát triển vốn (vốn chủ sở hữu tăng 8,36% so với năm 2013), chỉ tiêu hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,03% , thấp hơn nhiều so với qui định hiện hành về hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu (mức tối đa nhà nước cho phép là 3%). Đặc biệt là không phát sinh nợ khó đòi, nợ phải trả quá hạn.

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt 11,22% so với năm 2013.

Trên đây là Báo cáo bổ sung về giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tập đoàn năm 2014.

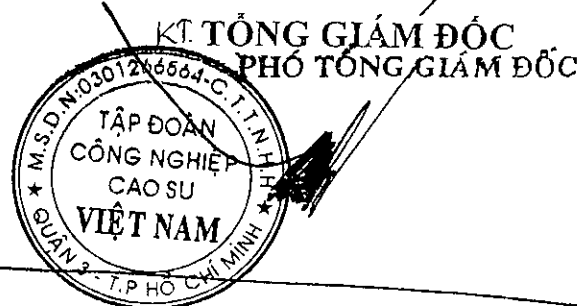
- Về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại DN: Công ty mẹ -Tập đoàn xếp loại A,

- Về Đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý Công ty mẹ - Tập đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2014.

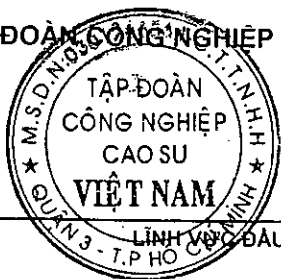
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trân trọng báo cáo ./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- HĐTV TĐ;
- KSVTĐ;
- Ban TGDĐĐ;
- Lưu : VT, TCKT.



Trần Thoai

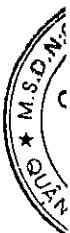


BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ RA NGOÀI CÔNG TY MẸ ĐẾN 31/12/2014

(Đính kèm Công văn số 1449/CSVN-TCKT ngày 10 tháng 6 năm 2015)

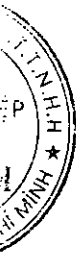
ĐVT: ĐỒNG VN

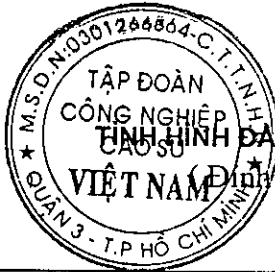
STT	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÁC CTY CON	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TẬP ĐOÀN CAM KẾT GÓP	TỶ LỆ GÓP VBL CỦA TẬP ĐOÀN (%)	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỜ VÀO CÁC CÔNG TY CON	TỶ LỆ VỐN ĐÃ GÓP CỦA TỜ VÀO CÁC CTY CON	LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA NĂM 2014	TỶ LỆ LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA TRÊN VỐN GÓP
1	2	3	(4=5/3)	5	6	(7=6/4)	8	9=(8/6)
A	Ngành nghề kinh doanh chính	35,200,563,017,468	24,165,822,747,208	68.65	21,071,525,200,302	87.20	559,857,966,075	2.66
1	Lĩnh vực trồng và CB cao su	32,528,987,496,551	22,805,984,816,291	70.11	19,582,179,809,661	85.86	537,018,845,235	2.74
1	Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	1,707,104,480,901	1,707,104,480,901	100.00	1,707,104,480,901	100.00	175,211,971,240	10.26
2	CT TNHH MTV Cao su Bình Long	486,659,306,758	486,659,306,758	100.00	486,659,306,758	100.00	51,840,142,693	10.65
3	CT TNHH MTV Cao su Bình Thuận	195,679,638,840	195,679,638,840	100.00	195,679,638,840	100.00		
4	CT TNHH MTV Cao su Bà Rịa	628,186,548,294	628,186,548,294	100.00	628,186,548,294	100.00	14,841,807,988	2.36
5	CT TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	1,283,554,848,655	1,283,554,848,655	100.00	1,283,554,848,655	100.00	35,486,387,517	2.76
6	CT TNHH MTV Cao su Phú Riêng	960,538,511,164	960,538,511,164	100.00	960,538,511,164	100.00		
7	CT TNHH MTV Cao su Tân Biên	514,009,831,700	514,009,831,700	100.00	514,009,831,700	100.00	23,540,509,160	4.58
8	CT TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	539,816,178,454	539,816,178,454	100.00	539,816,178,454	100.00	4,049,994,800	0.75
9	CT TNHH MTV Cao su Krông Buk	350,551,127,147	350,551,127,147	100.00	350,551,127,147	100.00		
10	CT TNHH MTV Cao su Eah leo	365,084,435,389	365,084,435,389	100.00	365,084,435,389	100.00		
11	CT TNHH MTV Cao su Chư Păh	560,169,605,188	560,169,605,188	100.00	560,169,605,188	100.00		
12	CT TNHH MTV Cao su Chư Prông	441,320,265,866	441,320,265,866	100.00	441,320,265,866	100.00		
13	CT TNHH MTV Cao su Chư Sê	635,319,436,465	635,319,436,465	100.00	635,319,436,465	100.00		
14	CT TNHH MTV Cao su Mang Yang	641,171,350,248	641,171,350,248	100.00	641,171,350,248	100.00		
15	CT TNHH MTV Cao su Kon Tum	451,075,362,860	451,075,362,860	100.00	451,075,362,860	100.00		
16	CT TNHH MTV Cao su Quảng Nam	288,374,660,191	288,374,660,191	100.00	288,374,660,191	100.00		
17	CT TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	54,735,793,292	54,735,793,292	100.00	54,735,793,292	100.00		
18	CT TNHH MTV Cao su Quảng Trị	302,266,978,245	302,266,978,245	100.00	302,266,978,245	100.00		
19	CT TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	399,808,068,726	399,808,068,726	100.00	399,808,068,726	100.00		
20	CT TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	127,917,491,821	127,917,491,821	100.00	127,917,491,821	100.00		
21	CT TNHH MTV Cao su Hương Khê HT	320,890,887,236	320,890,887,236	100.00	320,890,887,236	100.00		
22	CT TNHH MTV Cao su Nam Giang QN	93,162,866,851	93,162,866,851	100.00	93,162,866,851	100.00		
23	Cty CP Cao Su Sa Thầy	740,000,000,000	444,000,000,000	60.00	303,600,000,000	68.38		
24	Cty CP Cao Su Sơn La	1,162,000,000,000	717,000,000,000	61.70	511,714,372,500	71.37		
25	Cty CP Cao Su Tây Ninh	300,000,000,000	180,000,000,000	60.00	180,000,000,000	100.00	27,000,000,000	15.00
26	Cty CP Cao Su Đồng Phú	430,000,000,000	240,000,000,000	55.81	240,000,000,000	100.00	96,000,000,000	40.00
27	Cty CP Cao Su Hà Giang	500,000,000,000	400,000,000,000	80.00	211,907,666,381	52.98		
28	Cty CP Quasa-Geruco	1,000,000,000,000	731,721,500,000	73.17	553,106,689,300	75.59		
29	Cty CP Cao Su Lai Châu	760,000,000,000	592,043,582,000	77.90	572,476,758,181	96.70		
30	Cty CP Cao Su Điện Biên	700,000,000,000	420,000,000,000	60.00	353,639,062,640	84.20		



STT	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÁC CTY CON	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TẬP ĐOÀN CAM KẾT GÓP	TỶ LỆ GÓP VỐN CỦA TẬP ĐOÀN (%)	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỜ VÀO CÁC CÔNG TY CON	TỶ LỆ VỐN ĐÃ GÓP CỦA TỜ VÀO CÁC CTY CON (7=6/4)	LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA NĂM 2014	TỶ LỆ LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA TRÊN VỐN GÓP 9=(8/6)
1	2	3	(4=5/3)	5	6	(7=6/4)	8	9=(8/6)
31	Cty CP Cao Su Phước Hòa	813,000,000,000	541,584,060,000	66.62	541,584,060,000	100.00	81,237,609,000	15.00
32	Cty CP Cao su Lai Châu II	900,000,000,000	782,180,000,000	86.91	459,929,412,000	58.80		
33	Cty CP Cao su Yên Bái	1,000,000,000,000	800,000,000,000	80.00	273,412,546,000	34.18		
34	Cty CP Cao Su Hòa Bình	172,800,000,000	95,040,000,000	55.00	95,040,000,000	100.00	23,760,000,000	25.00
35	XNLD Visorutex	35,539,822,260	9,800,000,000	27.57	9,800,000,000	100.00	4,050,422,837	41.33
36	Cty CP Cao Su Việt Lào	775,000,000,000	160,115,000,000	20.66	160,115,000,000	100.00		
37	Cty CP PT CS Tân Biên Kampongthom	1,200,000,000,000	588,000,000,000	49.00	518,336,863,400	88.15		
38	Cty CP Cao Su Đồng Phú- Kratie	900,000,000,000	270,000,000,000	30.00	213,000,000,000	78.89		
39	Cty CP Cao Su Đồng Nai- Kratie	708,000,000,000	177,000,000,000	25.00	177,000,000,000	100.00		
40	Cty CP Cao Su Bà Rịa Kampongthom	720,000,000,000	266,400,000,000	37.00	232,123,200,000	87.13		
41	Cty CP Cao Su Chư Sê Kampongthom	2,555,250,000,000	1,276,603,000,000	49.96	692,269,506,520	54.23		
42	Cty CP Cao su Mang Yang - Ratanakiri	1,780,000,000,000	845,500,000,000	47.50	640,702,043,224	75.78		
43	Cty CP Cao su Chư Prông - Stung Treng	400,000,000,000	196,000,000,000	49.00	169,800,965,000	86.63		
44	Cty CP Cao su Krông Buk - Ratanakiri	780,000,000,000	312,000,000,000	40.00	226,692,200,000	72.66		
45	Cty CP Cao Su Phú Riêng Kratie	400,000,000,000	184,000,000,000	46.00	184,000,000,000	100.00		
46	Cty CP Cao Su TP.HCM	420,000,000,000	126,000,000,000	30.00	84,945,531,000	67.42		
47	Cty CP Cao Su Dầu Tiếng Kratie	450,000,000,000	153,000,000,000	34.00	153,000,000,000	100.00		
48	Cty CP Cao Su Dầu Tiếng Campuchia	450,000,000,000	193,500,000,000	43.00	141,013,259,224	72.88		
49	Cty CP Đầu tư PTCS Nghệ An	1,130,000,000,000	757,100,000,000	67.00	335,573,000,000	44.32		
II	Chế biến gỗ	1,755,435,080,000	937,390,490,000	53.40	967,280,046,000	103.19	16,000,157,640	1.65
1	Cty CP Chế biến gỗ Thuận An	104,000,000,000	11,176,660,000	10.75	14,082,216,000	126.00	1,005,899,400	7.14
2	Cty CN & XNK CS	100,303,080,000	69,333,330,000	69.12	88,233,330,000	127.26	1,941,333,240	2.20
3	Cty CP gỗ MDF VRG-Dongwha	1,000,000,000,000	490,000,000,000	49.00	490,000,000,000	100.00		
4	Cty CP gỗ MDF-Geruco Quảng Trị	551,132,000,000	366,880,500,000	66.57	374,964,500,000	102.20	13,052,925,000	3.48
III	Cơ khí ,công nghiệp	462,600,000,000	230,292,000,000	49.78	335,354,903,724	145.62	3,571,963,200	1.07
1	Cty CP Cơ khí Cao Su	27,000,000,000	16,200,000,000	60.00	16,200,000,000	100.00	445,500,000	2.75
2	Cty CP Thể Thao Ngôi Sao Geru	22,000,000,000	14,164,000,000	64.38	14,164,000,000	100.00	708,200,000	5.00
3	Cty CS Bến Thành	123,600,000,000	51,912,000,000	42.00	63,874,903,724	123.04	2,418,263,200	3.79
4	Cty CP VRG Khải Hoàn	290,000,000,000	148,016,000,000	51.04	241,116,000,000	162.90		
IV	Đầu tư khu CN từ đất trồng cao su	360,000,000,000	98,615,000,000	27.39	93,170,000,000	94.48	3,267,000,000	3.51
1	Cty CP khu CN Nam Tân Uyên	160,000,000,000	38,115,000,000	23.82	32,670,000,000	85.71	3,267,000,000	10.00
2	Cty ĐTPT VRG Long Thành	100,000,000,000	22,000,000,000	22.00	22,000,000,000	100.00		
3	Cty CP Công Nghiệp An Điền	100,000,000,000	38,500,000,000	38.50	38,500,000,000	100.00		
V	Đơn vị sự nghiệp	93,540,440,917	93,540,440,917	100.00	93,540,440,917	100.00	0	
1	Viện Nghiên cứu Cao su	78,548,391,022	78,548,391,022	100.00	78,548,391,022	100.00		
2	Trung Tâm Y tế	0	0		0			
3	Tạp chí Cao su	11,228,213,872	11,228,213,872	100.00	11,228,213,872	100.00		
4	Trường CĐ CN Cao su	3,763,836,023	3,763,836,023	100.00	3,763,836,023	100.00		

STT	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÁC CTY CON	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TẬP ĐOÀN CAM KẾT GÓP	TỶ LỆ GÓP VỐN CỦA TẬP ĐOÀN (%)	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TĐ VÀO CÁC CÔNG TY CON	TỶ LỆ VỐN ĐÃ GÓP CỦA TĐ VÀO CÁC CTY CON (7=6/4)	LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA NĂM 2014	TỶ LỆ LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA TRÊN VỐN GÓP 9=(8/6)
1	2	3	(4=5/3)	5	6	(7=6/4)	8	9=(8/6)
B	Ngành nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành nghề kinh doanh chính	1,088,970,707,414	1,088,970,707,414	100	1,088,970,707,414	100	0	0.00
I	Cty Tài chính Cao su	1,088,970,707,414	1,088,970,707,414	100.00	1,088,970,707,414	100.00	0	
1	Cty Tài chính Cao su	1,088,970,707,414	1,088,970,707,414	100.00	1,088,970,707,414	100.00		
C	Ngành nghề kinh doanh khác	16,607,828,380,000	2,523,967,500,000	15.20	1,750,950,111,090	69.37	69,010,212,774	3.94
I	Thủy điện	9,657,941,000,000	1,380,484,140,000	14.29	999,372,366,866	72.39	29,806,996,500	2.98
1	Cty CP VRG Đaknông	297,728,000,000	209,294,000,000	70.30	209,296,500,000	100.00		
2	Cty CP Đầu tư thủy điện VRG Phú Yên	420,000,000,000	362,100,000,000	86.21	265,612,000,000	73.35		
3	Cty CP Thủy Điện Geruco Sông Côn	600,000,000,000	306,000,000,000	51.00	191,250,000,000	62.50	9,562,500,000	5.00
4	Cty CP EVN Quốc tế	2,400,000,000,000	96,000,000,000	4.00	43,200,000,000	45.00		
5	Cty CP Đầu tư XD & PT năng lượng Vina	380,000,000,000	43,320,000,000	11.40	43,320,000,000	100.00	8,230,800,000	19.00
6	Cty CP Điện Việt Lào	5,300,000,000,000	185,500,000,000	3.50	65,795,752,000	35.47		
7	Cty CP VRG Bảo Lộc	260,213,000,000	178,270,140,000	68.51	180,898,114,866	101.47	12,013,696,500	6.64
II	Xây dựng	248,108,480,000	67,016,680,000	27.01	79,094,630,000	118.02	6,895,954,600	8.72
1	Cty CP Xây dựng & tư vấn đầu tư	20,110,800,000	9,569,700,000	47.58	10,231,200,000	106.91	287,091,000	2.81
2	Cty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Cao Su	48,000,000,000	16,800,000,000	35.00	25,200,000,000	150.00	3,696,000,000	14.67
3	Cty CP Xây dựng & địa ốc cao su	45,000,000,000	13,515,000,000	30.03	15,282,150,000	113.08	1,013,625,000	6.63
4	TCTy XD & thủy lợi 4	134,997,680,000	27,131,980,000	20.10	28,381,280,000	104.60	1,899,238,600	6.69
III	Hạ tầng, KCN	1,402,378,900,000	242,186,680,000	17.27	240,364,700,000	99.25	32,307,261,674	13.44
1	Cty CP Kho vận và dịch vụ hàng hóa	45,000,000,000	21,600,000,000	48.00	24,840,000,000	115.00	10,800,000,000	43.48
2	Cty CP khu CN Hồ Nai	50,000,000,000	25,500,000,000	51.00	26,880,000,000	105.41	3,763,200,000	14.00
3	Cty CP đầu tư Sài Gòn VRG	600,000,000,000	90,000,000,000	15.00	93,399,520,000	103.78	16,899,520,000	18.09
4	Cty TNHH BOT cơ sở hạ tầng Đồng Tháp	10,000,000,000	1,533,880,000	15.34	1,533,880,000	100.00	844,541,674	55.06
5	Cty CP PT đô thị & khu CN Cao Su VN	266,878,900,000	40,022,800,000	15.00	40,022,800,000	100.00		
6	Cty TNHH Đầu tư hạ tầng VRG	268,500,000,000	40,850,000,000	15.21	41,313,500,000	101.13		
7	Cty CP BOT Quốc lộ 13 An Lộc -Hoa Lư	162,000,000,000	22,680,000,000	14.00	12,375,000,000	54.56		
III	Xi măng, sắt thép	3,220,000,000,000	517,000,000,000	16.06	145,941,142,224	28.23		0.00
1	Cty CP Thép tấm Miền Nam	2,540,000,000,000	381,000,000,000	15.00	9,941,142,224	2.61		
2	Cty CP Ciment FICO Tây Ninh	680,000,000,000	136,000,000,000	20.00	136,000,000,000	100.00		
IV	Du lịch	479,400,000,000	227,280,000,000	47.41	209,677,272,000	92.26		
1	Cty CP TM DV và Du lịch Cao Su	427,000,000,000	224,200,000,000	52.51	205,822,960,000	91.80		
2	VungTau Intourco	52,400,000,000	3,080,000,000	5.88	3,854,312,000	125.14		
V	Lĩnh vực tài chính ngân hàng	1,600,000,000,000	90,000,000,000	5.63	76,500,000,000	85.00		
1	Quỹ đầu tư Việt Nam	1,600,000,000,000	90,000,000,000	5.63	76,500,000,000	85.00		
	TỔNG CỘNG (88 ĐƠN VỊ)	52,897,362,104,882	27,778,760,954,622	52.51	23,911,446,018,806	86.08	628,868,178,849	2.63





PHỤ LỤC 2

PHẠM VI ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CỦA CÔNG TY MẸ ĐẾN 31/12/2014

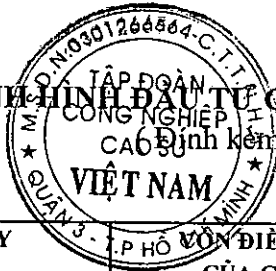
(Đính kèm Công văn số 1449/CSVN-TCKT ngày 10/6/2015)

ĐVT: ĐỒNG VN

STT	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÁC CTY CON	TỶ LỆ GÓP VỐN ĐL CỦA TẬP ĐOÀN (%)	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TẬP ĐOÀN CAM KẾT GÓP	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TB VÀO CÁC CÔNG TY CON	TỶ LỆ VỐN ĐÃ GÓP CỦA TB
1	2	3	(4=5/6)	5	6	(7=6/5)
I	Lĩnh vực trồng và chế biến cao su	12,538,250,000,000	43.70	5,479,839,500,000	4,146,105,257,668	75.66
A	Campuchia	10,343,250,000,000	43.14	4,462,003,000,000	3,347,938,037,368	75.03
1	Cty CP Cao Su Phú Riêng Kratie	400,000,000,000	46.00	184,000,000,000	184,000,000,000	100.00
2	Cty CP PT CS Tân Biên Kampongthom	1,200,000,000,000	49.00	588,000,000,000	518,336,863,400	88.15
3	Cty CP Cao Su Đồng Phú- Kratie	900,000,000,000	30.00	270,000,000,000	213,000,000,000	78.89
4	Cty CP Cao Su Đồng Nai- Kratie	708,000,000,000	25.00	177,000,000,000	177,000,000,000	100.00
5	Cty CP Cao Su Bà Rịa Kampongthom	720,000,000,000	37.00	266,400,000,000	232,123,200,000	87.13
6	Cty CP Cao Su Chư Sê Kampongthom	2,555,250,000,000	49.96	1,276,603,000,000	692,269,506,520	54.23
7	Cty CP Cao su Mang Yang - Ratanakiri	1,780,000,000,000	47.50	845,500,000,000	640,702,043,224	75.78
8	Cty CP Cao su Chư Prông - Stung Treng	400,000,000,000	49.00	196,000,000,000	169,800,965,000	86.63
9	Cty CP Cao su Krông Buk - Ratanakiri	780,000,000,000	40.00	312,000,000,000	226,692,200,000	72.66
10	Cty CP Cao Su Dầu Tiếng Kratie	450,000,000,000	34.00	153,000,000,000	153,000,000,000	100.00
11	Cty CP Cao Su Dầu Tiếng Campuchia	450,000,000,000	43.00	193,500,000,000	141,013,259,224	72.88
B	Lào	2,195,000,000,000	46.37	1,017,836,500,000	798,167,220,300	78.42
1	Cty CP Cao Su TP.HCM	420,000,000,000	30.00	126,000,000,000	84,945,531,000	67.42
2	Cty CP Quasa-Geruco	1,000,000,000,000	73.17	731,721,500,000	553,106,689,300	75.59
3	Cty CP Cao Su Việt Lào	775,000,000,000	20.66	160,115,000,000	160,115,000,000	100.00

PHỤ LỤC 2
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CAO SU TÂY BẮC CỦA CÔNG TY MẸ ĐẾN 31/12/2014
 (Đính kèm Công văn số 1449/CSVN-TCKT ngày 10/6/2015)

ĐVT: VN Đồng



STT	TÊN CTY	VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÁC CTY CON	TỶ LỆ GÓP VỐN ĐL CỦA TẬP ĐOÀN (%)	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TẬP ĐOÀN CAM KẾT GÓP	VỐN ĐẦU TƯ CỦA TĐ VÀO CÁC CÔNG TY CON	TỶ LỆ VỐN ĐÀ GÓP CỦA TĐ
1	2	3	(4=5/6)	5	6	(7=6/5)
1	Cty CP CS Lai Châu	760,000,000,000	77.90	592,043,582,000	572,476,758,181	96.70
2	Cty CP CS Hà Giang	500,000,000,000	80.00	400,000,000,000	211,907,666,381	52.98
3	Cty CP CS Điện Biên	700,000,000,000	60.00	420,000,000,000	353,639,062,640	84.20
4	Cty CP CS Lai Châu II	900,000,000,000	86.91	782,180,000,000	459,929,412,000	58.80
5	Cty CP CS Yên Bái	1,000,000,000,000	80.00	800,000,000,000	273,412,546,000	34.18
6	Cty CP CS Sơn La	1,162,000,000,000	61.70	717,000,000,000	511,714,372,500	71.37
	Tổng cộng	5,022,000,000,000	73.90	3,711,223,582,000	2,383,079,817,702	64.21

TP HCM, ngày 12 tháng 6 năm 2015

**BIÊN BẢN
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

Hôm nay, ngày 12/6/2015 tại Văn phòng Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên, Vụ Quản lý doanh nghiệp Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả, xếp loại doanh nghiệp năm 2014 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

A. THÀNH PHẦN THAM GIA GIÁM SÁT

1. Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Ông Nguyễn Văn Vũ: Phó vụ trưởng;
- Ông Nguyễn Trọng Hải: Chuyên viên;
- Bà Luyện Thị Thúy Loan: Chuyên viên.

2. Đại diện Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:

- Ông Trần Thoại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc;
- Ông Huỳnh Văn Bảo: Kế toán trưởng;

3. Đại diện Kiểm soát viên:

- Ông Trần Khắc Chung: Kiểm soát viên Phụ trách chung
- Ông Đỗ Minh Quang: Kiểm soát viên Tài chính-Bộ Tài chính.

B. CĂN CỨ THẨM TRA

- Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

- Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 5/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014;

- Quyết định số 5739/QĐ-BNN-QLDN ngày 30/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2014 của Công ty mẹ -Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

- Báo cáo tài chính và Báo cáo giám sát của Công ty mẹ -Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam năm 2014;

- Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán; Ý kiến của Kiểm soát viên Tập đoàn về Thẩm tra Báo cáo tài chính và Báo cáo giám sát 2014 của Công ty mẹ Tập đoàn và giải trình của doanh nghiệp.

- Báo cáo bổ sung Báo cáo giám sát của Công ty mẹ Tập đoàn số 1449/CSVN-TCKT ngày 10/6/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

C. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

1. Đánh giá hiệu quả và xếp loại Công ty mẹ năm 2014:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác

- Kế hoạch năm 2014:	1.028 tỷ đồng
- Thực hiện năm 2014:	1.206 tỷ đồng

Đạt 117,32 % so với kế hoạch, **Xếp loại: A**

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:

- Lợi nhuận kế hoạch trước thuế:	436 tỷ đồng
- Lợi nhuận thực hiện trước thuế:	774.996 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu bình quân:	33.478 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu kế hoạch:	1,32%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thực hiện:	2,09%

Xếp loại: A

c) **Chỉ tiêu 3: Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn**

- Tình hình nợ quá hạn: Công ty mẹ không có nợ quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 10,67 lần

Xếp loại: A

d) **Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành:**

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật:

Năm 2014, Tập đoàn chấp hành tốt các quy định của pháp luật như kê khai thuế đầy đủ, kịp thời, chế độ tài chính kế toán, báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, báo cáo tiết giảm chi phí....

- Năm 2014 đã có Thanh tra Chính phủ về công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2006 - 2011, tuy nhiên đến năm 2015 mới có văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đồng ý với kết luận của Thanh tra Chính phủ (Thông báo số 2148/VPCP.V1 ngày 31/3/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý sau thanh tra về quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam). Cũng trong năm 2014, Thanh tra Bộ Tài chính thanh tra tại Tập đoàn đến ngày 25/02/2015, Bộ Tài chính có kết luận thanh tra số 2605/BTC-TTr.

Xếp loại công ty mẹ: Loại A

2. Tổng hợp xếp loại doanh nghiệp.

Xếp loại: A

3. Xếp loại viên chức quản lý doanh nghiệp

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

III. Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Nhận xét:

Năm 2014, Tập đoàn kinh doanh có lãi, bao gồm cả lãi thu được từ các khoản đầu tư vốn tại các công ty con, công ty cổ phần, công ty liên kết.

2. Kiến nghị:

Căn cứ Quyết định công bố xếp loại doanh nghiệp năm 2014, Tập đoàn thực hiện trích lập lợi nhuận sau thuế vào các quỹ theo quy định hiện hành và điều chỉnh các quỹ đã tạm trích của Tập đoàn.

Biên bản được lập thành 06 bản: Vụ Quản lý doanh nghiệp-Bộ Nông nghiệp và PTNT: 03 bản; Tập đoàn: 03 bản.

**VỤ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

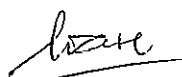


Nguyễn Văn Vũ

CHUYÊN VIÊN

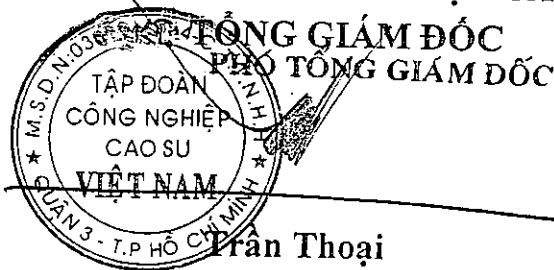


Nguyễn Trọng Hải




Luyện Thị Thúy Loan

CÔNG TY MẸ-TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM



Trần Thoại

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Huỳnh Văn Bảo

KIỂM SOÁT VIÊN TÀI CHÍNH



Đỗ Minh Quang

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2015

BIÊN BẢN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2014
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Hôm nay, ngày 12/6/2015 tại Văn phòng Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên, Vụ Quản lý doanh nghiệp Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện giám sát tài chính năm 2014 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

A. THÀNH PHẦN THAM GIA GIÁM SÁT

1. Vụ Quản lý doanh nghiệp-Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Ông Nguyễn Văn Vũ: Phó vụ trưởng;
- Ông Nguyễn Trọng Hải: Chuyên viên;
- Bà Luyện Thị Thúy Loan: Chuyên viên.

2. Đại diện Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:

- Ông Trần Thoại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc;
- Ông Huỳnh Văn Bảo: Kế toán trưởng;

3. Đại diện Kiểm soát viên:

- Ông Trần Khắc Chung: Kiểm soát viên Phụ trách chung
- Ông Đỗ Minh Quang: Kiểm soát viên Tài chính-Bộ Tài chính.

B. CĂN CỨ THẨM TRA

- Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

- Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào

doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 5/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014.;

- Quyết định số 5739/QĐ-BNN-QLDN ngày 30/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2014 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

- Báo cáo tài chính và Báo cáo giám sát của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam năm 2014;

- Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán; Ý kiến của Kiểm soát viên Tập đoàn về Thẩm tra Báo cáo tài chính và Báo cáo giám sát 2014 của Công ty mẹ Tập đoàn và giải trình của doanh nghiệp.

C. NỘI DUNG GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2014:

I. VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC:

1. Tình hình đầu tư tài sản:

Hiện nay, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đang thực hiện các dự án với Tổng giá trị vốn đầu tư là 2.613.310 triệu đồng; vốn tự có là 781.471 triệu đồng và vốn huy động là 1.831.839 triệu đồng, dự án do Công ty mẹ làm chủ đầu tư (Biểu số 01), bao gồm:

- Dự án nhóm A: 02 dự án, tổng giá trị đầu tư : 2.239.943 triệu đồng.

- Dự án nhóm B: 02 dự án, tổng giá trị đầu tư : 367.537 triệu đồng.

- Dự án nhóm C: 01 dự án, tổng giá trị đầu tư: 5.830 triệu đồng.

***Đến thời điểm 31/12/2014 đã thực hiện: 641.024 triệu đồng**

- Dự án nhóm A: 02 dự án, tổng giá trị đầu tư : 504.018 triệu đồng.

- Dự án nhóm B: 02 dự án, tổng giá trị đầu tư: 134.474 triệu đồng.

- Dự án nhóm C: 01 dự án, tổng giá trị đầu tư: 2.532 triệu đồng.

***Đã giải ngân đến ngày 31/12/2014: 612.165 triệu đồng**

- Dự án nhóm A: 02 dự án, tổng giá trị đầu tư : 475.159 triệu đồng.

- Dự án nhóm B: 02 dự án, tổng giá trị đầu tư: 134.474 triệu đồng.

- Dự án nhóm C: 01 dự án, tổng giá trị đầu tư: 2.532 triệu đồng.

Các dự án sau có tiến độ thực hiện từ 01 năm đến 03 năm, việc triển khai và thực hiện tiến độ đều chậm do thay đổi thiết kế, năng lực nhà thầu không đáp ứng, vướng mắc về thủ tục đất đai....cụ thể như sau:

+ Dự án khu chung cư cao tầng 381 Bến Chương Dương:

Đây là dự án chung cư được xây dựng trên khuôn viên của Công ty cơ khí cao su (thuộc diện di dời của TP.HCM), mục tiêu của dự án là xây dựng chung cư để bán (không thuộc diện đầu tư để hình thành tài sản). Dự án được triển khai từ tháng 10/2004, Kinh phí đã đầu tư lũy kế đến 12/12/2014 là 457.081 triệu đồng/Tổng mức đầu tư dự án được duyệt là 879.595 triệu đồng. Tập đoàn đã chuyển nhượng dự án trong tháng 12/2014, hiện nay đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng dự án. Kết quả chuyển nhượng dự án dự kiến có lãi trước thuế 17%/ vốn đầu tư thực góp.

+ Dự án Trụ sở làm việc của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại 177 Hai Bà Trưng có tổng mức đầu tư là 233.537 triệu đồng, triển khai đầu tư từ năm 2008, thời gian hoàn thành theo kế hoạch là năm 2010. Dự án kéo dài hơn 05 năm, nguyên nhân do năng lực yếu kém của nhà thầu và tỷ lệ lạm phát tăng cao trong giai đoạn 2008 – 2010 nên phát sinh chi phí bù giá tương đối lớn, việc thương thảo và tính toán chi phí bù giá giữa 02 bên không thống nhất nên làm cho tiến độ thi công kéo dài, phải tạm dừng thi công trong một thời gian dài. Hiện nay dự án đang triển khai trở lại và dự kiến dự án sẽ hoàn thành và bàn giao trong tháng 7 năm 2015. Đến 31/12/2014, giá trị đầu tư đã thực hiện là 133.084 triệu đồng. Nguồn vốn đầu tư dự án từ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

+ Dự án Trụ sở của Tập đoàn tại 236 Nam kỳ khởi nghĩa, Quận 3, TP.HCM có tổng mức đầu tư 134.000 triệu đồng, Chủ trương đầu tư triển khai từ năm 2003, nhưng không thực hiện vì đang vướng mắc một số thủ tục về quyền sử dụng đất. Giá trị đã đầu tư là 1.390 triệu đồng (Chủ yếu là chi phí thiết kế). Hiện nay Hội đồng thành viên Tập đoàn đã có Nghị quyết số 03/NQ-HĐTVCSVN ngày 21/5/2015 về việc dừng thực hiện dự án tiền khả thi này.

+ Tập đoàn đang triển khai xây dựng hệ thống phần mềm quản lý trong toàn Tập đoàn, thời gian thực hiện dự kiến 01 năm (bắt đầu từ năm 2011) nhưng đến nay chưa hoàn chỉnh. Nguyên nhân do việc khảo sát, xây dựng hệ thống khá phức tạp. Giá trị đầu tư đến 31/12/2014 là 2.532 triệu đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Dự án dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2015.

Nhận xét: Phần lớn các dự án Tập đoàn đang triển khai thực hiện chưa đạt tiến độ đề ra, Tập đoàn cần tích cực đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án để sớm hoàn thành dự án và đưa công trình vào sử dụng.

2. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Năm 2014, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam không huy động vốn vay. Đến 31/12/2014 tại Công ty mẹ:

- Vay và nợ ngắn hạn:	109.953.121.900 đồng
- Vay và nợ dài hạn:	589.680.931.536 đồng

3. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

- Tổng giá trị đầu tư tại thời điểm 01/01/2014: 22.620.399.624.389 đồng;

Trong đó:

+ Phát sinh tăng trong năm: 1.237.886.153.500 đồng
+ Phát sinh giảm trong năm: 40.380.200.000 đồng
- Tổng giá trị Đầu tư tại thời điểm 31/12/2014: 23.817.905.577.889 đồng

Cụ thể:

+ 49 công ty Trồng và chế biến cao su: 19.582.179.809.661 đồng
+ 04 Công ty chế biến gỗ: 967.280.046.000 đồng
+ 04 Công ty cơ khí, công nghiệp: 335.354.903.724 đồng
+ 03 Công ty đầu tư khu công nghiệp: 93.170.000.000 đồng
+ Ngành nghề có liên quan(Cty TCCS): 1.088.970.707.414 đồng
+ Ngành nghề kinh doanh khác: 1.750.950.111.090 đồng

- Năm 2014, cổ tức và lợi nhuận được chia 622.312.218.849 đồng (Chi tiết tại Biểu mẫu 02); tỷ lệ cổ tức và lợi nhuận/tổng vốn đầu tư đạt bình quân 2,61%. Trong điều kiện khó khăn chung của các doanh nghiệp hiện nay, đây là nỗ lực tích cực của viên chức quản lý và tập thể ban lãnh đạo quản lý, điều hành các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

4. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu và công nợ phải trả:

a) Tình hình quản lý tài sản.

- Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư: Các dự án đầu tư tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Tình hình trích khấu hao tài sản: Khấu hao tài sản cố định hữu hình đã trích năm 2014 theo quy định tại Quyết định số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính đối với Công ty mẹ -Tập đoàn là 2.449.216.186 đồng.

- Tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản: Không phát sinh.

- Tình hình xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém mất phẩm chất: Không phát sinh.

b) Tình hình công nợ phải thu thời điểm 31/12/2014: 9.260.635.325.734 đ

Trong đó:

- Phải thu ngắn hạn: 1.171.600.377.448 đ
- Phải thu dài hạn: 8.089.034.948.286 đ

Trong đó:

+ Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc: 7.809.288.975.879 đ
+ Phải thu dài hạn nội bộ: 3.000.000.000 đ

+ Phải thu dài hạn khác:

276.745.972.407 đ

Với các khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty mẹ Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải thu theo qui định.

c) Công nợ phải trả:

Tổng số nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014: 1.208.661.428.093 đồng. không có khoản nợ quá hạn;

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2014 là: 0,035 lần;

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty mẹ là: 10,67 lần.

d) Tình hình bảo lãnh các khoản nợ vay:

- Đến 31/12/2014, tổng số bảo lãnh các khoản nợ vay của Tập đoàn đối với các khoản vay cho các dự án, công ty con của Tập đoàn là: 21.212.500 USD và 3.694 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Bảo lãnh vay cho các DAĐT trồng cao su trong nước là: 2.193 tỷ đồng

+ Bảo lãnh vay cho các DAĐT trồng CS ngoài nước là: 21.212.500 USD

+ Bảo lãnh vay cho các DAĐT trồng cao su ngoài nước là: 436 tỷ đồng

+ Bảo lãnh vay cho các DAĐT Thủy điện trong nước là: 546 tỷ đồng

+ Bảo lãnh vay cho DAĐT Nhà máy Gỗ MDF là: 519 tỷ đồng

- Đa số các dự án trên có khả năng trả nợ gốc và lãi vay. Có 01 dự án cao su tại Công ty CP Phú riêng – Kratie, dư nợ bảo lãnh 1,8 tỷ đồng.

II. TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN:

1. Mức độ bảo toàn và phát triển vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:

1.1/ Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Thời điểm 01/01/2014: 32.279.653.599.131 đồng

- Thời điểm 31/12/2014: 34.977.995.850.651 đồng

Hệ số bảo toàn vốn: 1,08 lớn hơn 1, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã bảo toàn và phát triển vốn.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE):

+ Năm 2013: 2,16 %;

+ Năm 2014: 2,08 %.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA):

+ Năm 2013: 2,06 %;

+ Năm 2014:

2,01 %.

Năm 2014 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù lãi vay vốn có giảm nhưng vẫn còn đứng ở mức cao, tình hình hồi phục kinh tế diễn ra chậm, giá bán mủ cao su liên tục giảm (Giá bán bình quân năm 2013: 52,38 triệu đồng/tấn, năm 2014 giảm xuống còn 37,3 triệu đồng/ tấn) đã làm cho công tác tiêu thụ cao su của Tập đoàn ngày càng khó khăn.

Doanh thu của Tập đoàn và các Công ty thành viên đều giảm so với năm 2013, Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính năm 2014 giảm so năm 2013: 802.020 triệu đồng, dẫn đến lợi nhuận tài chính giảm và tỷ suất lợi nhuận năm 2014 sụt giảm theo.

III. TÌNH HÌNH SXKD VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN:

1. Về tình hình sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu:

a) Về các chỉ tiêu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2012	TH 2013	TH 2014
1	Tổng doanh thu, trong đó:	7.375.376	2.781.969	1.206.291
	<i>DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	2.039.842	1.128.088	355.810
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	5.317.753	1.647.521	845.500
	<i>Thu nhập khác</i>	17.781	6.360	4.981
2	Tổng chi phí, trong đó:	2.444.009	2.085.198	
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	1.896.282	1.001.494	264.963
	<i>Chi phí tài chính</i>	385.216	951.049	17.765
	<i>Chi phí bán hàng</i>	23.309	12.940	7.995
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	138.686	119.608	140.571
	<i>Chi phí khác</i>	516	107	0
3	Lợi nhuận trước thuế	4.931.367	696.773	774.996
4	Lợi nhuận sau thuế	4.924.261	696.733	727.052

b) Thực hiện Đề án Tái cơ cấu:

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đang thực hiện đề án tái cơ cấu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 38/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2012-2015.

+ Tập đoàn đơn đốc các đơn vị thành viên tổ chức thực hiện Phương án tái cơ cấu đã phê duyệt phương án;

+ Thực hiện lộ trình thoái vốn trình Bộ Nông nghiệp và đã được phê duyệt tại Quyết định số 2753/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 21/11/2013, Quyết định số 3369/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 31/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê

duyet điều chỉnh, bổ sung phương án thoái vốn cho 25 đơn vị ngoài ngành chính. Tập đoàn đang triển khai thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp trên thông qua sản giao dịch chứng khoán, Công ty chứng khoán...

+ Ban hành các qui chế quản lý nội bộ, ban hành sửa đổi định các định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến trồng mới, chăm sóc cao su, chế biến mủ cao su.....

+ Tăng cường quản lý, kiểm tra và giám sát thường xuyên đối với các đơn vị kinh doanh và XD/CB để ngày càng hoàn thiện công tác quản lý tại Công ty mẹ cũng như các đơn vị thành viên.

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, biến động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN.

- Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước của Công ty mẹ trong năm 2014 là 330.338.946.881 đồng.

- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ, Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 3/12/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 187/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013 và 2014 theo Nghị quyết số 54/2013/QH và Nghị quyết số 57/2013/QH của Quốc hội; Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 và trích lập các quỹ của Công ty mẹ như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số đơn vị báo cáo
1	LN sau thuế TNDN	727.051.893.236
	Tr đó LN chênh lệch tỷ giá không phân phối	2.575.714.715
2	Sử dụng LN sau thuế để thực hiện bàn giao tài sản.	323.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế phân phối:	405.300.062.136
	Quỹ đầu tư phát triển 30%	121.590.018.641
	Quỹ khen thưởng phúc lợi (dự kiến xếp loại)	11.242.970.750
	Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp	684.370.375
	Lợi nhuận chênh lệch phải nộp	271.782.702.370
	Lợi nhuận chênh lệch đã nộp NSNN	273.011.770.316
	Lợi nhuận nộp thừa	+1.229.067.946

* Vốn Điều lệ của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đến 31/12/2011 là 26.166.499.106.975 đồng (Theo Công văn số 1472/TTg-

KTTH ngày 18/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ năm 2011 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam).

Hiện nay, Tập đoàn đã trình Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan có liên quan phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ từ 2012 đến 2015 nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phân tích việc lưu chuyển tiền tệ

- Lượng tiền doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Lượng tiền doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu thanh toán cho các khoản nợ đến hạn.

IV. TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

- Trong năm 2014, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất... và các khoản nộp ngân sách khác.

- Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải.

- Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thực hiện đầy đủ chế độ chính sách về tiền lương, BHXH, BHYT cho các cán bộ công nhân viên.

- Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam không bị lập biên bản vi phạm hành chính liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách pháp luật.

- Năm 2014 có kết luận chính thức của cơ quan Thanh tra Chính phủ về Tập đoàn có vi phạm trong công tác quản lý sử dụng vốn và tài sản tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trong giai đoạn 2006 -2011. Tuy nhiên, đến năm 2015 mới có Thông báo số 2148/VPCP – V1 ngày 31/3/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý sau thanh tra về quản lý , sử dụng vốn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Về Kết luận Thanh tra Bộ Tài chính tại Tập đoàn năm 2014: ngày 25/02/2015 Bộ Tài chính mới có kết luận thanh tra.

V. GIẢI TRÌNH CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM ĐỐI VỚI Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.

- Tập đoàn làm việc với các Bộ ngành để sớm được phê duyệt tăng vốn điều lệ giai đoạn 2012-2015.

-Về lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế liên quan đến thực hiện bàn giao tài sản, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

VI. KIẾN NGHỊ:

1. Kiến nghị của Tổ giám sát.

- Tập đoàn tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tái cơ cấu và lộ trình thoái vốn tại Quyết định 38/2013/QĐ-TTg ngày 05/01/2013, Quyết định số 2753/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 21/11/2013 và kế hoạch cổ phần hóa 05 công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tập đoàn căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước; rà soát xây dựng và hoàn thiện kế hoạch sắp xếp đối với các Công ty con 100% vốn nhà nước và các công ty cổ phần có vốn của công ty mẹ Tập đoàn;

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan sớm phê duyệt bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2012-2015 theo quy định.

- Về công tác đầu tư: Công ty mẹ-Tập đoàn cần tập trung nguồn lực để hoàn thiện các công trình đang thi công dở dang, Trụ sở làm việc 177 Hai Bà Trưng; Dự án Nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên giang theo đúng tiến độ.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam để Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt.

2. Kiến nghị của doanh nghiệp.

Năm 2014 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù lãi vay vốn có giảm nhưng vẫn còn đứng ở mức cao, tình hình hồi phục kinh tế diễn ra chậm, giá bán mủ cao su liên tục giảm đã làm cho công tác tiêu thụ cao su của Tập đoàn ngày càng khó khăn.

Tình hình thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp như bão, lốc xoáy, mưa lũ, sạt lở đất, rét đậm, rét hại và các loại bệnh phấn trắng, bệnh nấm hồng ... phát sinh thường xuyên đã làm ảnh hưởng rất lớn đến năng suất, sản lượng cao su cũng như chi phí đầu tư cho cao su KTCB.

Do vậy, Tập đoàn đề xuất một số kiến nghị như sau:

a) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan xem xét, phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ từ 2012 đến 2105 cho Tập đoàn.


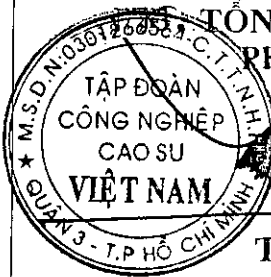
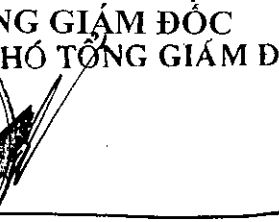

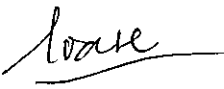
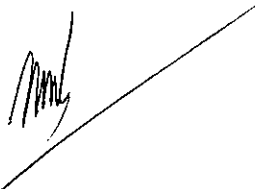

b) Cho phép Tập đoàn tiếp tục duy trì Quỹ dự phòng tài chính tập trung tại Tập đoàn để dự phòng cho các thiệt hại do thiên tai bất khả kháng xảy ra.

c) Cho phép Tập đoàn để lại 100% lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật để bổ sung vốn đầu tư từ năm 2014.

d) Cho phép Tập đoàn được tiếp cận và sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi nhà nước để đầu tư phát triển cao su với thời gian ân hạn phù hợp với chu kỳ kinh doanh của cây cao su.

đ) Cho phép Tập đoàn được lồng ghép các chương trình ưu đãi đầu tư, các chương trình an sinh xã hội, chương trình y tế, giáo dục khi Tập đoàn đầu tư tại các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Biên bản được lập thành 05 bản: Vụ Quản lý doanh nghiệp Bộ Nông nghiệp và PTNT: 02 bản; Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: 03 bản.

<p>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT VỤ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP PHÓ VỤ TRƯỞNG</p>  <p>Nguyễn Văn Vũ</p>	<p>CÔNG TY MẸ-TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM</p> <p>TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</p>   <p>Trần Thoại</p>
<p>CHUYÊN VIÊN</p>   <p>Nguyễn Trọng Hải Luyện T. Thúy Loan</p>	<p>KẾ TOÁN TRƯỞNG</p>  <p>Huỳnh Văn Bảo</p>
<p>KIỂM SOÁT VIÊN</p>  <p>Đỗ Minh Quang</p>	

Số : .../QĐ-HĐTVCSVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp năm 2014 của các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại Tờ trình số 1625/TTr-CSVN ngày 24 tháng 6 năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp của các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam năm 2014 (nội dung chi tiết đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp, các đơn vị do nhà nước làm chủ sở hữu tiến hành trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng viên chức quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ, các đơn vị có vốn nhà nước chi phối vận dụng các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu để làm cơ sở trích lập các quỹ.

Điều 3. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Trưởng các Ban, Văn phòng Tập đoàn, các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (theo danh sách đính kèm) có trách nhiệm thực hiện quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu : VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Võ Sỹ Lực

DANH GIÁ HIỆU QUA HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Tên DN	Loại hình DN	Chỉ tiêu 1(tr.đồng)			Chỉ tiêu 2 - Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu						Chỉ tiêu 3					Chi tiêu 4 Xếp loại	Xếp Loại DN
		Doanh thu và thu nhập khác			Số Kiểm Tra (Báo cáo Kiểm toán)						Số Kiểm Tra (Báo cáo Kiểm toán)						
		Số Kiểm Tra (Báo cáo Kiểm toán)			Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn chủ sở hữu bình quân (tr.đồng) hoặc Vốn điều lệ cuối	Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn				Xếp loại		
		KH	TH	Xếp loại	KH	TH	TH	KH	TH		TSNH	Nợ NH	TSNH/NN H (lần)	Nợ quá hạn (tr.đồng)			
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15				

I. CÔNG TY TNHH MTV DO NHÀ NƯỚC LÀM CHỦ SỞ HỮU

1. Các công ty đã hoạt động sản xuất, kinh doanh

Cty TNHH MTV Tổng Cty Cao su Đồng Nai	Cty TNHH	1.889.717	1.920.083	A	503.687	611.231	2.645.917	18,82%	23,10%	A	1.120.746	899.317	1,25		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Bà Rịa	Cty TNHH	386.361	401.396	A	56.787	62.018	1.023.197	5,52%	6,06%	A	160.841	118.696	1,36		A	C	B
Cty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Cty TNHH	1.579.503	1.839.052	A	205.951	367.043	2.184.423	9,05%	16,80%	A	837.795	907.272	0,92		B	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Bình Long	Cty TNHH	966.000	1.233.896	A	161.000	307.317	825.016	19,52%	37,25%	A	987.970	824.445	1,20		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Cty TNHH	947.323	1.110.390	A	21.805	78.940	829.728	2,52%	9,51%	A	509.022	577.053	0,88		B	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Cty TNHH	1.243.437	1.482.937	A	127.492	181.217	1.414.912	9,01%	12,81%	A	1.183.423	1.150.449	1,03		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Tân Biên	Cty TNHH	510.758	589.211	A	28.046	123.321	847.613	3,33%	14,55%	A	303.273	203.492	1,49		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Krông Búk	Cty TNHH	211.595	244.717	A	1.023	4.439	570.196	0,18%	0,78%	A	92.674	112.090	0,83		B	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Eah'leo	Cty TNHH	206.032	208.348	A	(9.058)	1.038	588.283	-1,31%	0,18%	A	103.018	181.516	0,57		B	B	B
Cty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Cty TNHH	350.271	366.202	A	1.706	7.744	887.871	0,18%	0,87%	A	237.517	173.467	1,37		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Cty TNHH	348.218	350.667	A	(3.351)	12.987	780.942	-0,44%	1,66%	A	258.201	243.722	1,06		A	C	B
Cty TNHH MTV Cao su Mang Yang	Cty TNHH	212.971	217.736	A	(47.978)	(39.534)	1.081.668	-4,44%	-3,65%	C	82.805	153.269	0,54		B	C	C
Cty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Cty TNHH	275.467	295.997	A	10.063	20.872	1.142.373	0,86%	1,83%	A	171.427	96.627	1,77		A	C	B
Cty TNHH MTV Cao su Kôn Tum	Cty TNHH	504.052	533.779	A	7.124	48.493	651.492	1,08%	7,44%	A	330.170	303.623	1,09		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Cty TNHH	444.169	482.524	A	4.741	24.599	309.719	1,53%	7,94%	A	151.504	99.682	1,52		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Cty TNHH	107.398	106.905	B	50	111	380.530	0,01%	0,03%	A	93.181	89.260	1,04		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Cty TNHH	81.965	82.548	A	239	249	528.099	0,04%	0,05%	A	78.963	72.359	1,09		A	A	A
Cty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Cty TNHH	5.343	6.210	A	(2.269)	(2.112)	67.793	-3,15%	-3,12%	C	4.536	5.391	0,84		B	B	C
Cty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Cty TNHH	159.666	169.139	A	(32.594)	(29.028)	602.971	-4,96%	-4,81%	C	66.505	99.968	0,67		B	B	C
Cty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Cty TNHH	43.406	31.078	C	-	2.952	201.966	0,00%	1,46%	A	60.662	89.112	0,68	33.984	C	A	B
Công ty mẹ - Tập đoàn	Cty TNHH	1.028.000	1.206.292	A	436.000	774.996	33.413.586	1,30%	2,32%	A	4.112.517	385.593	10,67		A	A	A

2. Các công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản

Cty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Cty TNHH		2.750	A		462	252.973			A	8.886	24.060	0,37		C	A	B
Cty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	Cty TNHH		5.459	A		110	445.535	0,18%	0,02%	A	18.226	48.854	0,37		C	A	B

II. CÔNG TY CỔ PHẦN DO NHÀ NƯỚC CÓ VỐN GÓP CHI PHỐI

1. Các công ty đã hoạt động sản xuất, kinh doanh

Cty CP Thủy điện Geruco Sông Côn	Cty CP	134.050	136.997	A		832	1.131			A	68.689	65.731	1,05		A		A
Cty CP VRG Bảo Lộc	Cty CP	115.350	127.457	A		42.149	47.209			A	260.213	16.20%	18,14%		B		A
Cty CP CN và XNK Cao su	Cty CP	437.220	540.436	A		6.100	(13.974)			C	100.303	6,08%	-13,93%		C		C
Cty CP thể thao Ngôi Sao Geru	Cty CP	106.421	81.890	C		1.392	2.564			A	22.000	6,33%	11,65%	23.631	C		C
Cty CP KCN Hồ Nai	Cty CP	61.758	62.915	A		13.751	15.332			A	38.163	21.045	1,81		A		B
										A	50.000	27,50%	31,06%		A		A

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Tên DN	Loại hình DN	Chỉ tiêu 1 (tr.đồng)			Chỉ tiêu 2 - Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu						Chỉ tiêu 3					Chi tiêu 4 Xếp loại	Xếp Loại DN	
		Doanh thu và thu nhập khác			Số Kiểm Tra (Báo cáo Kiểm toán)						Số Kiểm Tra (Báo cáo Kiểm toán)							
		Số Kiểm Tra (Báo cáo Kiểm toán)			Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn chủ sở hữu bình quân (tr.đồng) hoặc Vốn điều lệ cuối	Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn				Xếp loại			Số Kiểm Tra
		KH	TH	Xếp loại	KH	TH	TH	KH	TH		TSNH	Nợ NH	TSNH/NN H (lần)	Nợ quá hạn (tr.đồng)				
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15					
Cty CP gỗ MDF Geruco Quảng Trị	Cty CP	394.586	403.272	A	35.278	42.358	344.460	10,24%	12,30%	A	439.273	61.078	7,19	A	A			
Cty CP Cao su Phước Hòa	Cty CP	1.473.210	1.582.996	A	207.055	344.569	813.000	25,47%	42,38%	A	957.928	756.899	1,27	A	A			
Cty CP Cao su Hòa Bình	Cty CP	244.601	238.081	B	69.000	71.986	172.610	39,97%	41,70%	A	18.860	49.330	0,38	C	B			
Cty CP TMDV Du lịch Cao su	Cty CP	150.240	619.568	A	(77.101)	36.442	427.000	-18,06%	8,53%	B	33.176	11.864	2,80	A	B			
Cty CP Cơ khí Cao su	Cty CP	77.560	95.555	A	4.387	5.342	27.000	16,25%	19,79%	A	75.136	52.334	1,44	A	A			
Cty CP Cao su Đồng Phú	Cty CP	874.003	971.879	A	249.134	261.324	430.000	57,94%	60,77%	A	1.009.474	219.537	4,60	A	A			
Cty CP Cao su Tây Ninh	Cty CP	551.483	598.308	A	65.095	161.588	300.000	21,70%	53,86%	A	317.988	91.381	3,48	A	A			
Cty CP VRG Khải Hoàn	Cty CP	1.068.121	1.166.943	A	30.396	49.853	290.000	10,48%	17,19%	A	341.595	450.905	0,76	B	B			
Cty CP Cao su Sa Thầy Kon Tum	Cty CP		560	A	2.067	(2.843)	506.000	8,18%	-0,56%	C	50.999	24.463	2,08	A	C			
Cty CP Cao su Quasa Geruco Lào	Cty CP		3.202	A		(4.164)	711.154		-0,59%	C	177.384	179.738	0,99	B	C			
2. Các công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản																		
Cty CP VRG Đắk Nông	Cty CP		1.010	A			297.728		0,00%	A	57.226	33.497	1,71	A	A			
Cty CP Cao su Sơn La	Cty CP		1.472	A			749.842		0,00%	A	31.360	49.232	0,64	B	A			
Cty CP Cao su Điện Biên	Cty CP		666	A		134	565.000		0,02%	A	34.706	3.509	9,89	A	A			
Cty CP Cao su Lai Châu	Cty CP		666	A		183	729.036		0,03%	A	44.041	34.217	1,29	A	A			
Cty CP ĐTPT Cao su Nghệ An	Cty CP		1.613	A		1.241	382.293		0,32%	A	122.918	41.356	2,97	A	A			
Cty CP VRG Phú Yên	Cty CP	22.880	182	C	10		324.826		0,00%	C	41.685	68.550	0,61	B	C			
Cty CP Cao su Hà Giang	Cty CP		1.084	A		61	261.963		0,02%	A	28.155	6.190	4,55	A	A			
Cty CP Cao su Lai Châu II	Cty CP		1.497	A		440	541.259		0,08%	A	21.464	23.043	0,93	B	A			
Cty CP Cao su Yên Bái	Cty CP		4.518	A		124	338.190		0,04%	A	72.788	18.015	4,04	A	A			

TM. Hội đồng thành viên



CHỦ TỊCH

Võ Sỹ Lực

Người lập biểu

(Ký)

Nguyễn Thanh Đức

Ngày 29 tháng 6 năm 2015

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp



GIÁM ĐỐC

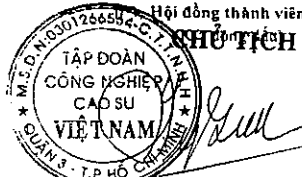
Trần Thoại

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

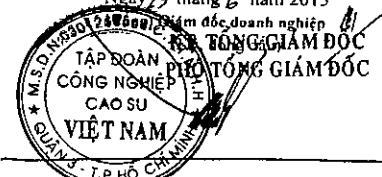
TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
I. CÔNG TY TNHH MTV DO NHÀ NƯỚC LÀM CHỦ SỞ HỮU							
1. Các công ty đã hoạt động sản xuất, kinh doanh							
1	Cty TNHH MTV Tổng Cty Cao su Đông Nai	18,82%	23,10%	122,74%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Cty TNHH MTV Cao su Bà Rịa	5,52%	6,06%	109,71%	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
3	Cty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	9,05%	16,80%	185,61%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	Cty TNHH MTV Cao su Bình Long	19,52%	37,25%	190,86%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
5	Cty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	2,52%	9,51%	377,62%	A	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
6	Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	9,01%	12,81%	142,14%	A	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
7	Cty TNHH MTV Cao su Tân Biên	3,33%	14,55%	436,32%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
8	Cty TNHH MTV Cao su Krông Búk	0,18%	0,78%	435,81%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
9	Cty TNHH MTV Cao su Eah'leo	-1,31%	0,18%		B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
10	Cty TNHH MTV Cao su Chư Páh	0,18%	0,87%	485,36%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
11	Cty TNHH MTV Cao su Chư Prông	-0,44%	1,66%	379,32%	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
12	Cty TNHH MTV Cao su Mang Yang	-4,44%	-3,65%	82,40%	C	Tốt	Không hoàn thành nhiệm vụ
13	Cty TNHH MTV Cao su Chư Sê	0,86%	1,83%	213,17%	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
14	Cty TNHH MTV Cao su Kon Tum	1,08%	7,44%	686,22%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
15	Cty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	1,53%	7,94%	518,82%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
16	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	0,01%	0,03%	222,00%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
17	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	0,04%	0,05%	110,06%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
18	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	-3,15%	-3,12%	98,88%	C	Tốt	Không hoàn thành nhiệm vụ
19	Cty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	-4,96%	-4,81%	96,98%	C	Tốt	Không hoàn thành nhiệm vụ
20	Cty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	0,00%	1,46%		B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
21	Công ty mẹ - Tập đoàn	1,30%	2,32%	177,75%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2. Các công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản							
22	Cty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	0,00%	0,05%		B		Hoàn thành nhiệm vụ
23	Cty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	0,00%	0,02%		B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
II. CÔNG TY CỔ PHẦN DO NHÀ NƯỚC CỔ VỐN GÓP CHI PHỐI							
1. Các công ty đã hoạt động sản xuất, kinh doanh							
24	Cty CP Thủy điện Geruco Sông Côn	0,22%	0,30%	135,98%	A		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
25	Cty CP VRG Bảo Lộc	16,20%	18,14%	112,00%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
26	Cty CP CN và XNK Cao su	6,08%	-13,93%		C	Tốt	Không hoàn thành nhiệm vụ
27	Cty CP thể thao Ngôi sao Geru	6,33%	11,65%	184,20%	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
28	Cty CP KCN Hồ Nai	27,50%	31,06%	112,95%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
29	Cty CP gỗ MDF Geruco Quảng Trị	10,24%	12,30%	120,07%	A	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
30	Cty CP Cao su Phước Hòa	25,47%	42,38%	166,40%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
31	Cty CP Cao su Hòa Bình	39,97%	41,70%	104,33%	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ
32	Cty CP TMDV Du lịch Cao su	-18,06%	8,53%		B		Hoàn thành nhiệm vụ
33	Cty CP Cơ khí Cao su	16,25%	19,79%	121,77%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
34	Cty CP Cao su Đồng Phú	57,94%	60,77%	104,89%	A		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
35	Cty CP Cao su Tây Ninh	21,70%	53,86%	248,23%	A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
36	Cty CP VRG Khải Hoàn	10,48%	17,19%	164,01%	B		Hoàn thành nhiệm vụ
37	Cty CP Cao su Sa Thầy Kon Tum	8,18%	-0,56%		C		Không hoàn thành nhiệm vụ
38	Cty CP Cao su Quasa Geruco Lào	0,00%	-0,59%		C		Không hoàn thành nhiệm vụ
2. Các công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản							
39	Cty CP VRG Đắk Nông		0,00%		A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
40	Cty CP Cao su Sơn La		0,00%		A		Hoàn thành nhiệm vụ
41	Cty CP Cao su Điện Biên		0,02%		A		Hoàn thành nhiệm vụ
42	Cty CP Cao su Lai Châu		0,03%		A		Hoàn thành nhiệm vụ
43	Cty CP ĐTP CS Nghệ An		0,32%		A	Tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
44	Cty CP VRG Phú Yên		0,00%		C		Không hoàn thành nhiệm vụ
45	Cty CP Cao su Hà Giang		0,02%		A		Hoàn thành nhiệm vụ
46	Cty CP Cao su Lai Châu II		0,08%		A		Hoàn thành nhiệm vụ
47	Cty CP Cao su Yên Bái		0,04%		A		Hoàn thành nhiệm vụ

Ghi chú: Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Ngày 29 tháng 6 năm 2015



Võ Sỹ Lực

Người lập biểu (Ký)
Nguyễn Thành Đức



Trần Thoại

Biểu 08A - Mẫu số 01

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN/ TỔNG CÔNG TY
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng

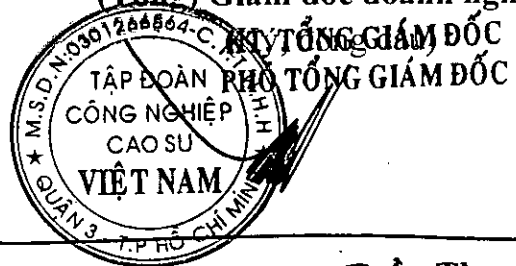
Chỉ tiêu	Năm trước năm báo cáo	Năm báo cáo	Tỷ lệ % Năm BC/Năm trước
1. Tổng tài sản	65.838.446	67.136.712	101,97%
2. Vốn chủ sở hữu	38.350.082	38.499.651	100,39%
3. Nợ phải thu	3.999.809	3.902.258	97,56%
Trong đó: Nợ khó đòi			
4. Nợ phải trả	23.050.338	24.074.039	104,44%
Trong đó: Nợ quá hạn			
5. Lợi nhuận phát sinh	4.987.915	2.538.000	50,88%

Ngày 29 tháng 6 năm 2015

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp

Hội đồng thành viên
 TM, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
 CHỦ TỊCH

Người lập biểu
 (Ký)



Nguyễn Thành Đức

Trần Thoại

Võ Sỹ Lực